

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH

NGUYỄN VĂN TUẾ (Tổng Chủ biên)
TRƯƠNG THIẾU HUYỀN – NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN (Đồng Chủ biên)
TRẦN THỊ LAN – ĐẶNG NGỌC LĨNH – NGUYỄN CHIẾN THẮNG – VÕ QUỲNH TRANG

Tài liệu

GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG
TỈNH QUẢNG NINH

Lớp

7

Kí hiệu dùng trong sách



MỞ ĐẦU



HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI



LUYỆN TẬP



VẬN DỤNG



CÂU HỎI

*Hãy bảo quản, giữ gìn sách để dành tặng cho
các em học sinh lớp sau.*

LỜI NÓI ĐẦU

Các em học sinh thân mến!

Trên tay các em là cuốn “Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Quảng Ninh – lớp 7”. Với 4 chủ đề, các em sẽ được tìm hiểu thêm và sâu hơn về các vấn đề: Văn hoá, lịch sử truyền thống; Địa lí địa phương; Chính trị – xã hội; Môi trường...

Thông qua những hoạt động trong các chủ đề, các em sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về Quảng Ninh. Qua đó, các em được phát triển những năng lực và phẩm chất cần thiết, được bồi đắp tình yêu quê hương, đất nước. Cuốn sách này sẽ đồng hành với các em trong năm học lớp 7 ở cấp Trung học cơ sở. Hi vọng các em sẽ cùng tìm hiểu, thực hành, trải nghiệm, yêu thích các hoạt động trong sách, say mê học tập. Các em biết liên hệ để hiểu rõ hơn những vấn đề của địa phương, vận dụng những điều đã học vào cuộc sống hằng ngày, cùng nhau thực hiện những việc làm hữu ích cho bản thân, gia đình, cộng đồng, quê hương,...

MỤC LỤC

STT	TÊN BÀI	Trang
	Lời nói đầu	3
Chủ đề 1	VĂN HOÁ, LỊCH SỬ TRUYỀN THỐNG	5
1	Quảng Ninh từ năm 938 đến đầu thế kỉ XVI	5
2	Chiến thắng trên sông Bạch Đằng	10
3	Bảo vật quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh	18
4	Thương cảng Vân Đồn	25
5	Vịnh Hạ Long với giá trị văn hoá, lịch sử	32
6	Hoàng đế Trần Nhân Tông với Quảng Ninh	39
7	Thực hành lịch sử – Tái hiện lịch sử	44
8	Thể thao Vùng mỏ	48
9	Văn hoá ứng xử trong trường học ở Quảng Ninh	57
Chủ đề 2	ĐỊA LÍ ĐỊA PHƯƠNG	63
10	Đặc điểm dân cư tỉnh Quảng Ninh	63
Chủ đề 3	CHÍNH TRỊ – XÃ HỘI	72
11	Phòng chống bạo lực học đường và tệ nạn xã hội	72
Chủ đề 4	MÔI TRƯỜNG	79
12	Tác động môi trường của một số hoạt động sản xuất và dịch vụ ở Quảng Ninh	79

Chủ đề 1 VĂN HOÁ, LỊCH SỬ TRUYỀN THỐNG

1

QUẢNG NINH TỪ NĂM 938 ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XVI

- Trình bày được tên gọi tỉnh Quảng Ninh hiện nay qua các thời kì.
- Khái quát được lịch sử, văn hoá, nghệ thuật, kiến trúc trên địa bàn tỉnh.



Hãy kể tên các xã (phường, thị trấn), huyện (thị xã, thành phố) nơi em sống? Em biết gì về những tên gọi ấy?



1. Tên gọi tỉnh Quảng Ninh từ năm 938 đến đầu thế kỉ XVI

Từ sau khi Ngô Quyền chiến thắng quân Nam Hán (năm 938), thời nhà Ngô, Đinh và Tiền Lê (939 – 1009), vùng Quảng Ninh chủ yếu thuộc châu Lục (có thời kì thuộc quận Ngọc Sơn) gồm huyện Hoa Thanh, huyện Ninh Hải, phần đất Đông Triều thuộc Châu Giao (huyện Nam Định).

Thời nhà Lý (1010 – 1225), đời vua Lý Thái Tổ năm 1023 đổi trấn Triều Dương thành châu Vĩnh An.

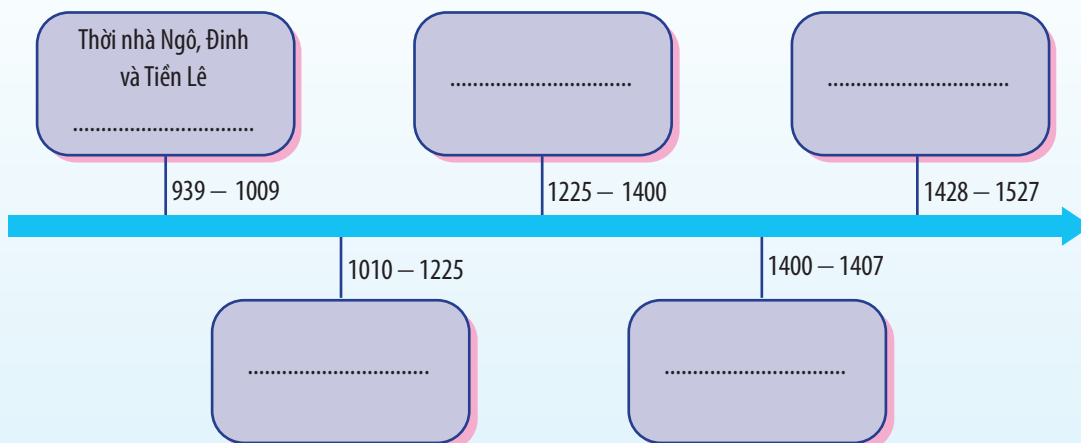
Thời nhà Trần (1225 – 1400), đời vua Trần Thái Tông, năm 1242 đổi châu Vĩnh An thành lộ Hải Đông; đời vua Trần Nhân Tông, năm 1285 đổi lộ Hải Đông thành lộ An Bang; đời vua Trần Anh Tông năm 1397 đổi lộ An Bang thành lộ phủ Tân An.

Thời nhà Hồ (1400 – 1407), đời vua Hồ Hán Thương, năm 1407 đổi lộ phủ Tân An thành châu Tĩnh An. Châu Tĩnh An có 8 huyện: An Đông, Văn Phong, Tân An, An Hoà, An Lập, Đại Độc, Vạn Ninh, Vân Đồn.

Thời Hậu Lê – Lê Sơ (1428 – 1527), đời vua Lê Thái Tổ, năm 1428 cả nước chia thành 5 đạo, vùng Quảng Ninh thuộc Đông Đạo. Đời vua Lê Thánh Tông, năm 1466 vùng Quảng Ninh là đạo thừa tuyên An Bang, về thời kì này, vùng An Bang có 1 phủ (Hải Đông), 3 huyện (An Hưng, Hoàn Bồ, Chi Phong) và 4 châu (Vạn Ninh, Vĩnh An, Vân Đồn, Tân An).



Hoàn thiện thông tin về tên gọi Quảng Ninh trên trục thời gian theo gợi ý sau:



2. Khái quát lịch sử, văn hoá, nghệ thuật, kiến trúc trên địa bàn tỉnh

2.1. Lịch sử

Năm 938, dưới sự lãnh đạo của Ngô Quyền, quân và dân ta đã giành thắng lợi vang dội trên sông Bạch Đằng, đánh bại quân xâm lược Nam Hán, chấm dứt ách đô hộ hàng nghìn năm của phong kiến phương Bắc.

Trong kỉ nguyên Đại Việt, vào thời Lý (thế kỉ XII), thương cảng Vân Đồn ra đời, nền kinh tế biển đã từng bước hình thành và phát triển từ thế kỉ XII – XVIII. Vào năm 1288, quân dân nhà Trần đã giành được chiến công hiển hách trên sông Bạch Đằng, đánh bại đế quốc Mông – Nguyên.

Quảng Ninh cũng là trung tâm của dòng thiền phái Trúc Lâm Yên Tử do Phật hoàng Trần Nhân Tông sáng lập vẫn còn phát triển cho đến ngày nay.

2.2. Văn hoá, nghệ thuật

Lịch sử đã chứng minh, ngay từ thời đại đồ đá, người Việt cổ ở Quảng Ninh chinh phục biển, dựa vào biển để sinh tồn. Và chính từ cuộc sống lao động sản xuất, chống giặc ngoại xâm, họ đã sáng tạo nên một nền văn hoá biển.

Văn hoá biển của Quảng Ninh được thể hiện qua các lễ hội truyền thống, nghệ thuật diễn xướng, văn nghệ dân gian. Các lễ hội đình Trà Cổ (Móng Cái), đình Quan Lạn

(Vân Đồn), đền Cửa Ông (Cẩm Phả), miếu Tiên Công (Quảng Yên),... mang đậm bản sắc truyền thống của cư dân biển Quảng Ninh.

Nghệ thuật diễn xướng của cư dân biển như hát nhà tơ ở Vạn Ninh (Móng Cái), tục hát đúm, hát giao duyên của ngư dân Quảng Yên, Vân Đồn và các sáng tạo văn nghệ dân gian như ca dao, dân ca Vạn Ninh (Móng Cái), Quan Lạn (Vân Đồn) được bảo tồn, lưu truyền qua nhiều thế hệ.



Hình 1.1. Lễ hội đình Quan Lạn, xã đảo Quan Lạn, huyện Vân Đồn được tổ chức vào tháng 6 (âm lịch) hằng năm nhằm tái hiện lại trận chiến Vân Đồn – Cửa Lục năm 1288



Hình 1.2. Lễ hội Tiên Công, thị xã Quảng Yên được tổ chức vào ngày mùng 7 tháng Giêng (âm lịch) hằng năm để tri ân công đức các vị Tiên Công đã khai cơ lập nghiệp ở vùng đảo Hà Nam

2.3. Kiến trúc

Từ thế kỉ X đến thế kỉ XVI, trên vùng đất Quảng Ninh có nhiều công trình kiến trúc độc đáo, đặc biệt là các công trình kiến trúc tôn giáo. Chùa Quỳnh Lâm được xây dựng từ thời Lý. Chùa nằm trên ngọn đồi thuộc cánh cung Đông Triều, phường Tràng An, thị xã Đông Triều, chùa có pho tượng Phật bằng đồng cao 20 mét, nổi danh là một trong “An Nam tứ đại khí”, tiêu biểu cho nền văn hoá Thăng Long thời Lý – Trần.



Hình 1.3. Chùa Quỳnh Lâm, thị xã Đông Triều

Thời Lý – Trần, Phật giáo phát triển ở Đại Việt. Nhiều nhà sư đã đến Quảng Ninh thuyết pháp cùng nhân dân xây dựng nhiều ngôi chùa như chùa Hoa Yên (thuộc danh thắng Yên Tử, thành phố Uông Bí), chùa Hồ Thiên⁽¹⁾ (xã Bình Khê, thị xã Đông Triều).

Đến thế kỉ XV, trên núi Lôi Âm (phường Đại Yên, thành phố Hạ Long ngày nay), vua Lê Thánh Tông cho xây dựng chùa Lôi Âm.



Hình 1.4. Chùa Lôi Âm, phường Đại Yên, thành phố Hạ Long

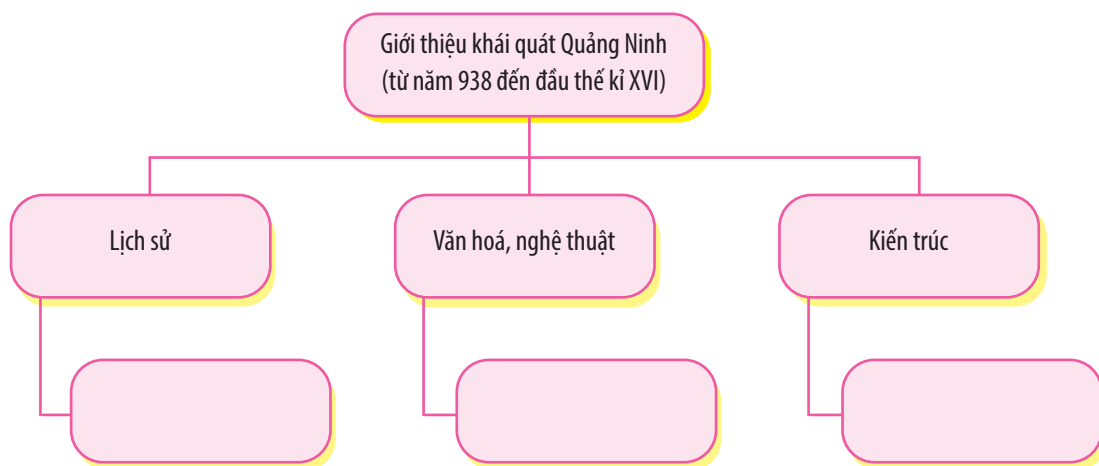
(1) Theo *Địa chí Quảng Ninh* (Tập 1), Nxb Thế giới, tr.479.



- ① Lịch sử Quảng Ninh từ năm 938 đến đầu thế kỉ XVI có những sự kiện gì nổi bật?
- ② Em hãy kể tên các công trình kiến trúc Phật giáo tiêu biểu của Quảng Ninh trong thời gian từ năm 938 đến đầu thế kỉ XVI.



3. Nêu một số tên gọi của tỉnh Quảng Ninh qua các thời kì khác nhau.
4. Giới thiệu khái quát về lịch sử, văn hoá, nghệ thuật và kiến trúc ở vùng Quảng Ninh:



5. Hãy nêu những biểu hiện và ý nghĩa của văn hoá biển trong đời sống kinh tế – văn hoá – xã hội ở tỉnh Quảng Ninh hiện nay.
6. Hãy giới thiệu sơ lược về tên gọi và lịch sử của địa phương nơi em sống.

2

CHIẾN THẮNG TRÊN SÔNG BẠCH ĐẰNG

- Lí giải được chiến thắng Bạch Đằng năm 938 là bình minh của lịch sử dân tộc.
- Lí giải được chiến thắng Bạch Đằng năm 981 là niềm tự hào của lịch sử dân tộc.
- Lí giải được chiến thắng Bạch Đằng năm 1288 là mốc son chói lọi của lịch sử dân tộc.



Hãy nêu những hiểu biết của em về quá trình chống giặc ngoại xâm thời phong kiến tại Quảng Ninh theo các gợi ý dưới đây:

Tên các vị danh tướng

Tên dòng sông gắn với các trận đánh

Trận địa bãi cọc



1. Chiến thắng Bạch Đằng năm 938

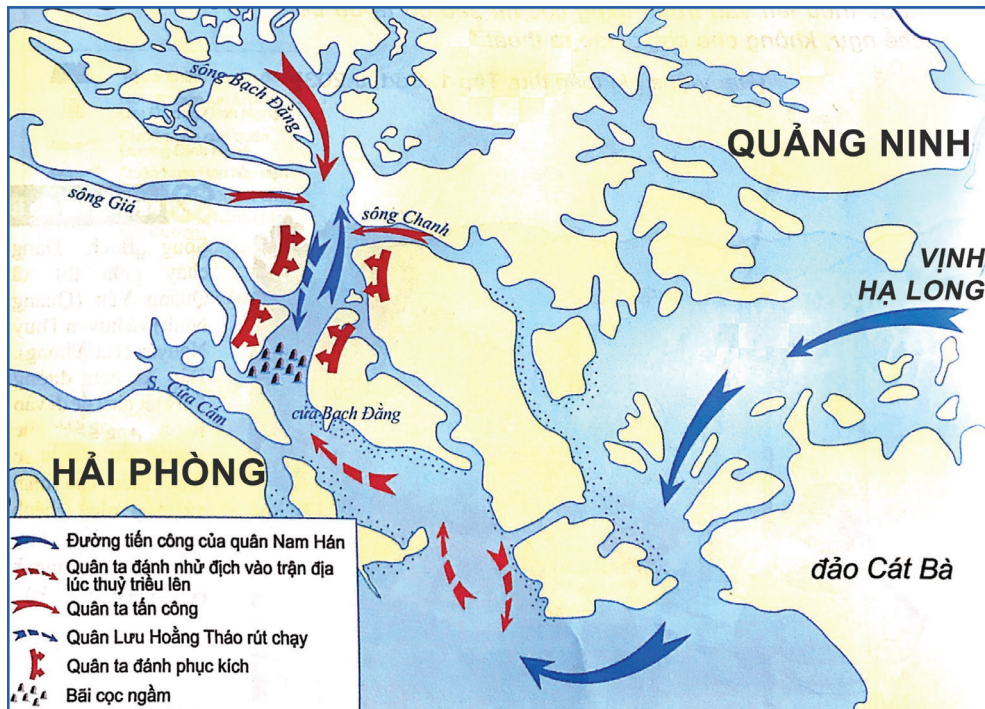
Năm 937, Tiết độ sứ Dương Đình Nghệ bị một viên tướng của mình là Kiều Công Tiễn ám sát để đoạt chức. Được tin đó, Ngô Quyền – thuộc tướng của Dương Đình Nghệ liền kéo quân ra Bắc. Kiều Công Tiễn vội cho người sang cầu cứu nhà Nam Hán. Vua Nam Hán nhân cơ hội đó, cho quân xâm lược nước ta lần thứ hai.

Ngô Quyền đã cho quân tiến vào thành Đại La (Tống Bình – Hà Nội), bắt giết Kiều Công Tiễn, khải trương chuẩn bị chống quân xâm lược. Dự đoán quân Nam Hán sẽ tiến vào nước ta theo đường sông Bạch Đằng, Ngô Quyền quyết định chọn Bạch Đằng làm nơi quyết chiến và bàn với các tướng cách chống giặc. Ông đã huy động quân và dân vào rừng chặt hàng ngàn cây gỗ lớn, đầu đẽo nhọn và bịt sắt, rồi đem đóng xuống lòng sông Bạch Đằng ở những nơi hiểm yếu, gần cửa biển.

EM CÓ BIẾT

Ngô Quyền (898 – 944), là người ở Đường Lâm (Sơn Tây – Hà Nội). Ông là một tướng giỏi, có nhiều công lao trong cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán do Dương Đình Nghệ lãnh đạo. Ông được Dương Đình Nghệ tin yêu, gả con gái cho và được phong làm Thứ sử, trấn giữ Ái Châu (Thanh Hoá).

Vào cuối năm 938, đoàn thuyền chiến của quân Nam Hán do Lưu Hoàng Tháo chỉ huy kéo vào vùng biển nước ta. Ngô Quyền cho một toán thuyền nhẹ ra đánh, nhử quân Nam Hán vào cửa sông Bạch Đằng lúc nước triều đang lên. Lưu Hoàng Tháo hăm hở đốc quân đuổi theo, vượt qua bãi cọc ngầm mà không biết.



Hình 2.1. Lược đồ trận Bạch Đằng năm 938

Đúng vào lúc nước thủy triều rút xuống, Ngô Quyền hạ lệnh cho quân tấn công. Quân Nam Hán hoảng loạn, thuyền giặc đã bị nước thủy triều xô vào bãi cọc nhọn và vỡ tan. Quân địch phần bị giết, phần bị chết đuối rất nhiều. Lưu Hoàng Tháo chết trong đám loạn quân ấy.

Chiến thắng Bạch Đằng của Ngô Quyền năm 938 có một ý nghĩa lịch sử trọng đại, đã đánh bại ý chí xâm lược của kẻ thù, chấm dứt vĩnh viễn nền đô hộ hơn 1000 năm của phong kiến phương Bắc, mở ra một thời kì độc lập cho dân tộc ta.

Sử gia Ngô Thì Sĩ đã viết về chiến thắng Bạch Đằng năm 938: “Trận đánh ở Bạch Đằng là cái căn bản khôi phục quốc thống đó. Sau này Đinh, Lê, Lý, Trần còn phải nhờ dư liệt ấy. Võ công hiển hách của Ngô Quyền, tiếng thơm nghìn đời, đâu có phải chỉ để khoe khoang một lúc bấy giờ mà thôi.”⁽²⁾

(2) Theo *Địa chí Quảng Ninh* (Tập 1), Nxb Thế giới, tr.459. Trích *Việt sử tiêu án* – Ngô Thì Sĩ, Nxb Văn hoá Á châu, Sài Gòn, 1960, tr.78.

Chiến thắng này là thành quả của cuộc kháng chiến anh dũng và đầy sáng tạo của nhân dân ta sau hơn 30 năm làm chủ đất nước. Nó khẳng định quyền làm chủ của nhân dân ta trên miền đất của tổ tiên thời Văn Lang – Âu Lạc, tạo thêm niềm tin, niềm tự hào sâu sắc trên bước đường xây dựng đất nước độc lập, tự chủ sau này.



- ① Tại sao quân Nam Hán xâm lược nước ta lần thứ hai?
- ② Kế hoạch đánh giặc của Ngô Quyền chủ động và độc đáo ở điểm nào?

2. Chiến thắng Bạch Đằng năm 981

Đầu năm 981, quân Tống do Hầu Nhân Bảo chỉ huy theo hai đường thủy, bộ tiến đánh nước ta: quân bộ theo đường Lạng Sơn, quân thủy theo đường sông Bạch Đằng.

Vua Lê Đại Hành trực tiếp tổ chức và lãnh đạo cuộc kháng chiến. Ông cho quân đóng cọc ở sông Bạch Đằng để ngăn chặn chiến thuyền địch. Nhiều trận chiến đấu ác liệt đã diễn ra trên sông Bạch Đằng, cuối cùng thủy quân địch bị đánh lui.

Trên bộ, quân ta cũng chặn đánh quân Tống quyết liệt. Do đó, chúng không thể kết hợp được với quân thủy nên bị tổn thất nặng, buộc phải rút quân về nước. Thừa thắng, quân ta truy kích tiêu diệt nhiều sinh lực địch. Quân Tống đại bại, tướng Hầu Nhân Bảo bị giết chết và nhiều tướng khác bị bắt sống.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Tống năm 981 đã bảo vệ được chủ quyền lãnh thổ, mở ra thời kì độc lập lâu dài của dân tộc.

Sử gia Lê Văn Hưu cũng đã nhận xét về chiến thắng này là “làm mạnh nước Việt ta và ra uy với nước Tống”. Do đó, gần một thế kỉ sau, nhà Tống không dám phát binh đánh ta và buộc phải công nhận nước ta là một vương quốc độc lập.



Nêu ý nghĩa của cuộc kháng chiến chống Tống năm 981.

3. Chiến thắng Bạch Đằng năm 1288

Hai lần xâm lược Đại Việt (năm 1258 và 1285) đều thất bại, vua Nguyên càng tức giận nên quyết tâm đánh chiếm Đại Việt lần thứ ba. Cuối năm 1287, nhà Nguyên huy động hơn 30 vạn quân và nhiều danh tướng do Thoát Hoan làm Tổng chỉ huy. Ngoài ra còn có hàng trăm chiến thuyền chở lương thực do tướng Trương Văn Hổ chỉ huy.

Về phía Đại Việt, Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn được phong làm Quốc công tiết chế – Thống lĩnh quân đội cả nước.

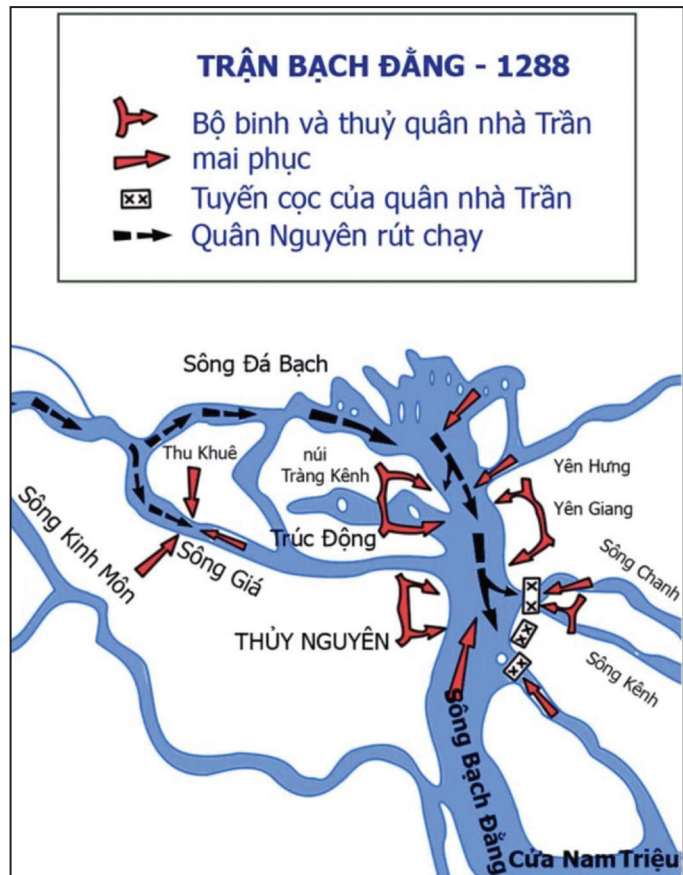
Cuối tháng 12 năm 1287, quân Nguyên tiến đánh nước ta. Đoàn thuyền lương của Trương Văn Hổ bị quân nhà Trần do Trần Khánh Dư chỉ huy chặn đánh ở trận Vân Đồn – Cửa Lục không vào được đất liền.

Tháng 1 năm 1288, cánh quân bộ do Thoát Hoan chỉ huy, chia làm ba đạo đánh chiếm Thăng Long. Nhân dân kinh thành đã thực hiện kế sách “vườn không nhà trống” của triều đình.

Quân Nguyên ra sức càn quét, cướp lương thực nhưng bị nhân dân ta đuổi đánh, đẩy chúng vào thế bị động. Thoát Hoan đóng quân ở Thăng Long có nguy cơ bị cô lập, tinh thần quân lính hoang mang, tuyệt vọng. Trước tình thế nguy khốn, Thoát Hoan quyết định lui quân về Vạn Kiếp (Hải Dương) và từ đây rút quân về nước theo hai đường thủy, bộ.

Nhận thấy thời cơ tiêu diệt quân Nguyên, giải phóng đất nước đã tới, vua Trần và Trần Quốc Tuấn quyết định mở cuộc phản công, tiến hành việc bố trí mai phục ở sông Bạch Đằng. Như vậy, một lần nữa, sông Bạch Đằng lại được chọn để bố trí trận địa cọc. So với hai lần trước, trận địa cọc năm 938 và 981 nhằm chặn bước tiến của giặc từ phía biển vào, còn lần này là chặn đường rút của quân xâm lược.

Việc bố trí trận địa cọc được tiến hành khẩn trương và bí mật. Cọc gỗ lim được lấy ở vùng Quảng Yên, Yên Lập. Bãi cọc bố trí ở cửa sông Chanh, một nhánh đổ thẳng ra biển về phía Bắc của sông Bạch Đằng. Bãi cọc nhỏ hơn đóng ở sông Kênh, sông Rút.



Hình 2.2. Lược đồ chiến thắng Bạch Đằng năm 1288



Hình 2.3. Bãi cọc Yên Giang – cửa sông Chanh, thị xã Quảng Yên

EM CÓ BIẾT

Tương truyền có một bà hàng nước đã chỉ dẫn tử mĩ giúp Hùng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn biết lịch thủy triều, địa thế lòng sông Bạch Đằng để xây dựng trận địa cọc và kế hoả công đánh quân Nguyên năm 1288. Sau này, các vua Trần cho lập miếu thờ bà hàng nước ấy, dân gian gọi là miếu Vua Bà.



Hình 2.4. Miếu Vua Bà, phường Yên Giang, thị xã Quảng Yên

Đầu tháng 4 năm 1288, đoàn thuyền do Ô Mã Nhi chỉ huy rút về theo đường thủy trên sông Bạch Đằng. Khi thuyền chiến của Ô Mã Nhi tiến đến gần trận địa cọc, một số thuyền nhẹ của quân Trần ra khiêu chiến rồi giả vờ thua chạy, quân giặc đuổi theo, lọt vào trận địa mai phục, đúng lúc nước triều xuống nhanh.

Từ hai bờ, chiến thuyền nhỏ của quân Trần đổ ra đánh, phá vỡ đội hình quân giặc. Bị đánh bất ngờ và quyết liệt, quân giặc tranh nhau tháo chạy ra biển, thuyền giặc xô vào bãi cọc đang nhô lên. Những tên sống sót nhảy lên bờ liền bị quân bộ nhà Trần chờ sẵn đánh bại. Toàn bộ thủy binh giặc bị đánh bại, Ô Mã Nhi bị bắt sống. Cuộc kháng chiến lần thứ ba chống quân Nguyên đã kết thúc thắng lợi vẻ vang.

Chiến thắng Bạch Đằng năm 1288 đã chấm dứt vĩnh viễn nạn xâm lược của đế quốc Mông – Nguyên vô cùng lớn mạnh và hung hãn đang hoành hành cả thế giới khi đó. Sau chiến thắng, nền độc lập của dân tộc được bảo vệ vững chắc. Vì vậy, chiến thắng Bạch Đằng năm 1288, không chỉ là chiến thắng chói lọi vào bậc nhất trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam mà cũng đồng thời là chiến công mang tầm vóc thời đại.



Hình 2.5. Cọc gỗ dùng trong trận thủy chiến chống quân Nguyên trên sông Bạch Đằng năm 1288 (trưng bày ở Bảo tàng Quảng Ninh)



- ① Quan sát lược đồ hình 2.2, em hãy trình bày diễn biến trận Bạch Đằng tháng 4 năm 1288.
- ② Nêu điểm khác nhau về mục đích bố trí trận địa cọc trên sông Bạch Đằng năm 1288 so với năm 938 và 981.



4. Nhà sử học Ngô Thì Sĩ đã đánh giá công lao của Ngô Quyền như thế nào?

5. Đọc đoạn thông tin sau:

“Ngô Quyền được tin Hoàng Tháo kéo đến, liền bảo các tướng rằng: Hoàng Tháo là đứa trẻ dại, đem quân từ xa đến, quân lính mỗi mệt, lại nghe Công Tiễn đã chết, không có người làm nội ứng, đã bạt vĩa trước rồi. Quân ta lấy sức còn khoẻ địch với quân mệt mỗi, tất phá được. Nhưng bọn chúng có lợi ở chiến thuyền, ta không phòng bị trước thì có thể được, thua chưa biết ra sao”⁽³⁾.

Em hãy chỉ ra điểm mạnh và điểm yếu của quân xâm lược Nam Hán.

6. Hãy hoàn thành bảng so sánh cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán (938), quân Tống (981) và quân Nguyên lần thứ ba (1288).

Tiêu chí so sánh	Cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán năm 938	Cuộc kháng chiến chống quân Tống năm 981	Cuộc kháng chiến chống quân Nguyên lần thứ ba năm 1288
Nguyên nhân	?	?	?
Lãnh đạo	?	?	?
Nghệ thuật quân sự	?	?	?
Kết quả	?	?	?
Ý nghĩa	?	?	?



7. Em hãy tìm đường/ phố/ trường học (ở địa phương em hoặc qua sách báo, internet) có tên gọi: Ngô Quyền, Lê Hoàn, Trần Hưng Đạo (Trần Quốc Tuấn). Chia sẻ hiểu biết của em về địa điểm này và tên gọi được đặt cho địa điểm này với cả lớp.

(3) Theo *Địa chí Quảng Ninh* (Tập 1), Nxb Thế giới, tr.460.

8. Em tìm hiểu một trong những điểm thuộc di tích chiến thắng Bạch Đằng và hoàn thành phiếu sau:

- + Bãi cọc Yên Giang
- + Bãi cọc đồng Vạn Muối
- + Bãi cọc đồng Má Ngựa
- + Đền thờ Trần Hưng Đạo
- + Miếu Vua Bà

Họ và tên:

Lớp:

TÊN DI TÍCH

.....

1. Vị trí
2. Mô tả di tích
3. Ý nghĩa của di tích
4. Việc làm của em góp phần giữ gìn và phát huy giá trị của di tích.

3

BẢO VẬT QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NINH

- Trình bày được địa điểm phát hiện của các bảo vật quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.
- Giới thiệu được giá trị văn hoá, lịch sử của các bảo vật quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.



Bảo vật quốc gia là hiện vật gốc, độc bản, có giá trị đặc biệt quý hiếm, tiêu biểu của đất nước về lịch sử, văn hoá, khoa học. Bảo vật quốc gia được Nhà nước bảo vệ và bảo quản theo chế độ riêng biệt. Tính đến tháng 06 năm 2021, Quảng Ninh có tất cả 09 bảo vật quốc gia.



Em hãy kể tên một vài bảo vật quốc gia mà em biết ở tỉnh Quảng Ninh.



1. Các bảo vật quốc gia của tỉnh Quảng Ninh

1.1. Tượng Phật hoàng Trần Nhân Tông

Tượng Phật hoàng Trần Nhân Tông là hiện vật gốc độc bản, hiện đang được lưu giữ, bảo quản và bài trí trong tháp Huệ Quang (thường gọi là tháp Tổ), chùa Hoa Yên, thuộc khu di tích và danh thắng Yên Tử, thành phố Uông Bí. Đây là một điển hình mẫu mực trong nghệ thuật điêu khắc tượng Phật Đại Việt thế kỷ XVII.

Tượng gồm hai phần, bệ và thân tượng, cao tổng thể 83,8 cm, đầu rộng 13,5 cm, đế rộng 59 cm. Pho tượng Phật hoàng Trần Nhân Tông được tạc thủ công bằng đá xanh, có cùng nguồn gốc, thành phần khoáng vật và hoá học với loại đá xanh xây tháp thời Trần.

1.2. Trống đồng Quảng Chính

Trống đồng Quảng Chính, niên đại thế kỉ III – II TCN, được đặt theo tên địa danh khi phát hiện, thuộc xã Quảng Chính, huyện Hải Hà. Năm 1981, trống được phát hiện trên một quả đồi thấp ở độ sâu hơn 1 mét. Năm 1983, trống được chuyển về Bảo tàng Quảng Ninh trưng bày. Căn cứ vào hình dáng, phong cách chế tác và đặc biệt là các hoạ tiết hoa văn trang trí của trống đồng Quảng Chính, các nhà nghiên cứu cho rằng, chiếc trống thuộc giai đoạn văn hoá Đông Sơn nhưng cũng có sự khác biệt. Hoa văn hình chim đứng trên trống Quảng Chính cũng khá đặc biệt, là độc nhất vô nhị mà ta biết được cho đến nay.

1.3. Bình gốm Đầu Rằm

Đây là hiện vật được tìm thấy trong số hàng trăm di tích thời tiền – sơ sử ở miền Bắc Việt Nam. Bình gốm Đầu Rằm được xác định có niên đại văn hoá Phùng Nguyên muộn, cách đây hơn 3.000 năm. Bình gốm Đầu Rằm được phát hiện vào năm 1998 tại di chỉ khảo cổ Đầu Rằm, xã Hoàng Tân, thị xã Quảng Yên, hiện đang được lưu giữ tại Bảo tàng Quảng Ninh.



Hình 3.1. Tượng Phật hoàng Trần Nhân Tông



Hình 3.2. Trống đồng Quảng Chính



Hình 3.3. Bình gốm Đầu Rằm

Sự độc đáo của bình gốm Đậu Rằm không chỉ được thể hiện ở hình dáng mà còn ở hoa văn trang trí như: Hoa văn chải; đắp nổi; đường chỉ chìm; đường chấm dải; hình chiếc lá;... Đặc biệt hoa văn hình chữ S trên bình mang tính đặc trưng, điển hình cho hoa văn trang trí trên đồ gốm thuộc văn hoá Phùng Nguyên.

Bình gốm Đậu Rằm là tác phẩm nghệ thuật gốm tiêu biểu, đặc sắc của văn hoá Phùng Nguyên, nền văn hoá được đánh giá là đạt tới đỉnh cao của kỹ thuật chế tác đồ đá và đồ gốm, giúp chúng ta nhận biết về ngành nghề truyền thống, đời sống vật chất, tinh thần, tâm linh của người Việt cổ sinh sống trên vùng đất Quảng Ninh.

1.4. Bình gốm hoa sen

Bình gốm có niên đại thời Lý, thế kỷ thứ XI – XII, hiện nay đang được lưu giữ tại Bảo tàng Quảng Ninh. Bình gốm hoa sen là hiện vật gốc, độc bản, là cổ vật vô cùng quý giá, với kỹ thuật làm gốm đỉnh cao và họa tiết hoa văn đặc biệt, không giống với bất kỳ một cổ vật nào cùng thời.

Bình được làm từ cao lanh và đất sét trắng, với chiều cao tổng thể là 24,2 cm, nặng 6.600 gram. Toàn thân bình tạo nổi 10 múi, tạo hình như cánh sen đang ôm đài sen, tổng thể bình tạo dáng nhìn giống bông hoa sen 10 cánh. Hình tượng hoa sen biểu trưng cho Phật giáo, là Quốc giáo của thời kỳ này, hình tượng chim Anh Vũ đều liên quan đến đức Phật và xuất hiện nhiều lần trong các kinh điển Phật giáo.

Bình gốm hoa sen mang giá trị đặc biệt về khoa học, lịch sử và là tác phẩm nghệ thuật nổi trội về giá trị thẩm mỹ, tiêu biểu cho phong cách trang trí đồ gốm của một thời đại. Trình độ thẩm mỹ, giá trị tư tưởng được truyền tải qua các họa tiết hoa văn. Những thông tin về chất liệu, bằng chứng kỹ thuật là những tư liệu quý giá trong nghiên cứu lịch sử gốm sứ.



Hình 3.4. Bình gốm hoa sen

1.5. Bình gốm hoa nâu Kinnari

Bình gốm hoa nâu Kinnari có niên đại thời Lý, thế kỷ XI – XII, hiện nay đang được lưu giữ tại Bảo tàng Quảng Ninh.

Bình cao 12,1 cm, rộng trước sau 14 cm (từ vòi đến đuôi), chiều rộng hai bên 7,6 cm (vị trí hai bên đùi) thân dày trung bình 0,5 – 0,7 cm... Bình có dáng quả đào, thành cong khum,

gờ miệng sau loe. Thân phình rộng, đáy thon nhỏ. Phần vôi tạo hình tượng đầu người mình chim ôm vôi (biểu tượng của một vị thần trong văn hoá Phật giáo Việt thời Lý – Trần). Đây là hình dáng đặc biệt hiếm có của loại hình bình gốm hoa nâu thời Lý đã phát hiện ở miền Bắc Việt Nam. Bình gốm hoa nâu Kinnari là đồ dùng của tầng lớp quyền quý hoặc được sử dụng trong các hoạt động nghi lễ của đời sống cung đình hoặc đời sống tôn giáo thời Lý.

1.6. Thạp gốm hoa nâu

Thạp gốm hoa nâu có niên đại thời Lý, thế kỉ XI – XII. Tổng trọng lượng 9,3 kg, cao 35,5 cm, hiện nay, thạp đang được lưu giữ tại Bảo tàng Quảng Ninh.

Hình dáng, chất liệu, kĩ thuật chế tác, tô điểm men và hoa văn trang trí trên thạp gốm hoa nâu đều thể hiện rõ nét đặc trưng văn hoá thời Lý. Thạp gốm hoa nâu được tạo dáng, chạm khắc các loại hoa văn thể hiện bàn tay tài hoa của người nghệ nhân. Cùng với đó, phần chân đế còn có kĩ thuật in khuôn 12 hình em bé của thế giới cực lạc, gắn vào 12 trụ của chân đế.

Theo các nhà nghiên cứu, thạp gốm hoa nâu có thể là đồ dùng của tầng lớp quyền quý hoặc được sử dụng trong các hoạt động nghi lễ của đời sống cung đình, đời sống tôn giáo (chùa) thời Lý.

1.7. Thống đồng thời Trần

Thống đồng thời Trần có niên đại thế kỉ XIII – XIV, hiện lưu giữ tại Bảo tàng Quảng Ninh. Đây là hiện vật gốc thời Trần thế kỉ XIII – XIV được sử dụng trong các hoạt động nghi lễ của đời sống cung đình thời Trần. Với hình thức độc đáo, thống được xem như sự hồi sinh của văn hoá trống đồng Đông Sơn trong nghệ thuật thời Trần.



Hình 3.5. Bình gốm hoa nâu Kinnari



Hình 3.6. Thạp gốm hoa nâu

Thống đồng thời Trần có trọng lượng 15.000 gram, cao 37cm, đường kính miệng 42,5 – 43,5cm, đường kính thân 45cm, đường kính đáy 37,5cm. Thống có dáng hình trụ, thành cong, gờ miệng phẳng, loe ngang; thân phình tang trống, đáy bằng.

Thống đồng thời Trần là hiện vật gốc độc bản, sử dụng các loại hoa văn trang trí điển hình của Văn hoá thời Trần, có sự kế thừa nghệ thuật trống đồng của Văn hoá Đông Sơn, thể hiện trên thạp và thống gồm hoa nâu thời Trần. Đây là tác phẩm nghệ thuật quý hiếm bằng kim loại đồng còn tồn tại đến ngày nay với chức năng là vật dụng tế khí trong các nghi lễ của đời sống tín ngưỡng tôn giáo dân gian. Hoa văn trang trí trên thống đồng vừa có tính chất vương quyền và thần quyền, vừa có cả yếu tố Phật giáo truyền thống thời Trần – Lê.



Hình 3.7. Thống đồng thời Trần

1.8. Hộp vàng Ngoạ Vân – Yên Tử

Hộp vàng Ngoạ Vân – Yên Tử được phát hiện ngày 21 – 6 – 2012, trên con đường hành hương lên am Ngoạ Vân, thuộc địa phận thôn Trại Lốc, xã An Sinh, thị xã Đông Triều. Hộp vàng có niên đại từ thế kỷ XIV, hiện nay được lưu giữ tại Bảo tàng Quảng Ninh.

Chất liệu được chế tác bằng vàng, được chạm khắc thủ công, có trọng lượng 56,44 gram. Hộp có dáng hình cầu, thân tạo nổi 11 múi, mỗi múi giống như hình cánh sen cong tròn. Hoa văn được chạm khắc thủ công. Các họa tiết hoa văn, với phần nền găm vân mây làm nền họa tiết hoa chanh là đặc điểm cho thấy trình độ và kĩ thuật điêu khắc hết sức điêu luyện của nghệ nhân chế tác đương thời.



Hình 3.8. Hộp vàng Ngoạ Vân – Yên Tử

Việc phát hiện hộp vàng Ngoạ Vân góp thêm tư liệu quan trọng, khẳng định giá trị của di tích am Ngoạ Vân, đồng thời, phản ánh tư tưởng và đời sống văn hoá tâm linh ở trung tâm Phật giáo Trúc Lâm của tầng lớp quý tộc hoàng gia. Bên cạnh đó, hộp vàng Ngoạ Vân cũng phản ánh trình độ kĩ thuật kim hoàn, trình độ thẩm mỹ, trí tuệ sáng tạo cao của các nghệ nhân thời Trần.

1.9. Mâm bồng gốm men vẽ nhiều màu

Mâm bồng gốm men vẽ nhiều màu là hiện vật bằng gốm, có niên đại thế kỉ XV thời Lê Sơ, được sử dụng để đặt các lễ vật trong các nghi lễ tín ngưỡng, tôn giáo, hiện nay đang được lưu giữ tại Bảo tàng Quảng Ninh.

Mâm bồng gồm 2 phần, phía trên là mâm tròn rộng, gờ miệng cắt khắc hình cánh sen, thành cong, vành chân đục lỗ nhỏ treo đồ trang trí, có trọng lượng 5.500 gram, đĩa vẽ hoạ tiết cá hoá rồng, bao quanh bởi 9 linh thú độc đáo. Mâm có cấu trúc một đài sen, một biểu tượng tiêu biểu của Phật giáo, triết lí từ bi, hỉ xả.



Hình 3.9. Mâm bồng gốm men vẽ nhiều màu

Hình dáng của mâm bồng không chỉ thể hiện tính thẩm mỹ mà còn là biểu trưng của tư tưởng với chiều sâu văn hoá. Mâm bồng gốm men vẽ nhiều màu là sản phẩm nghệ thuật tiêu biểu, hội tụ và thể hiện trình độ và giá trị đặc sắc của gốm sứ Đại Việt thời Lê Sơ; đòi hỏi người thợ phải có kĩ thuật và thẩm mỹ cao.

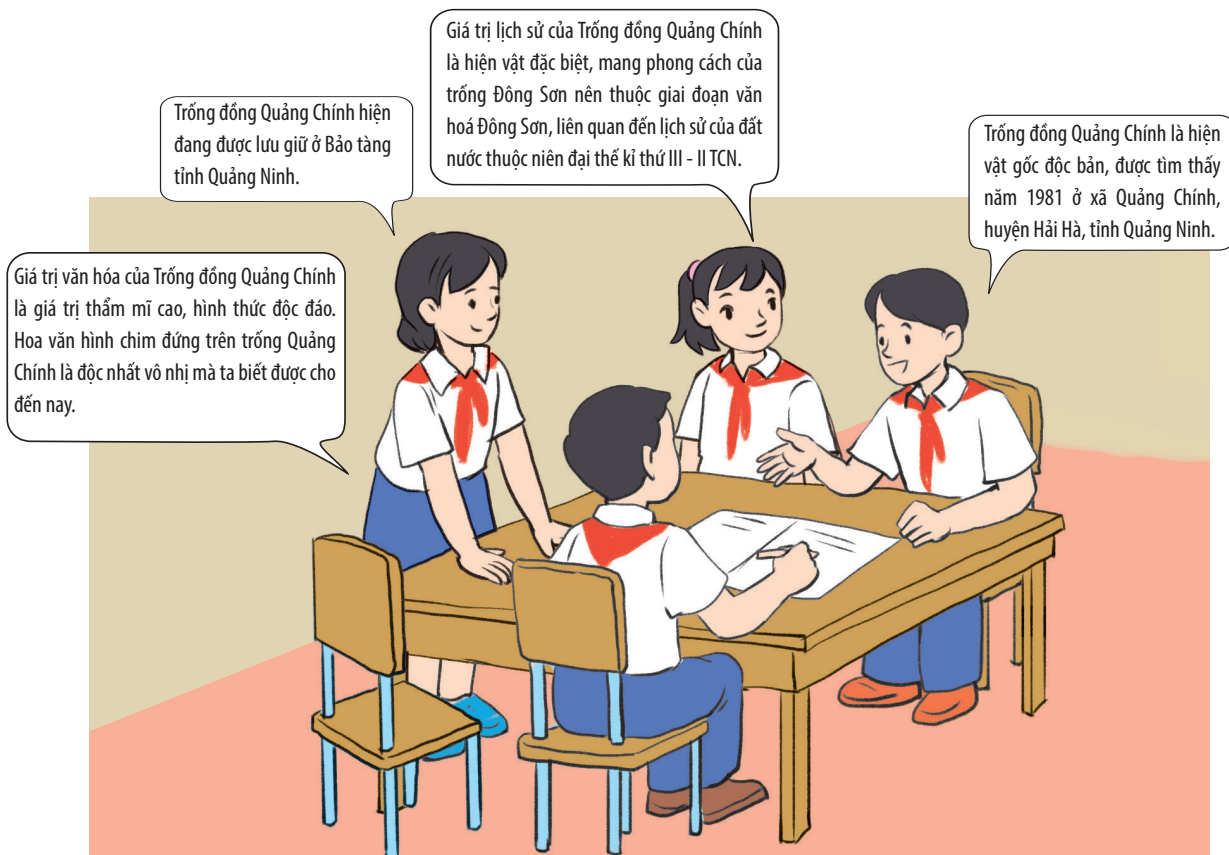


Lập bảng tóm tắt về địa danh lưu giữ và giá trị của các bảo vật quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

STT	Tên bảo vật	Địa danh lưu giữ bảo vật	Giá trị văn hoá, lịch sử
1	Tượng Phật hoàng Trần Nhân Tông	Tháp Huệ Quang, chùa Hoa Yên, khu di tích và danh thắng Yên Tử, thành phố Uông Bí.	— Niên đại: Đầu thế kỉ XVII, thời Lê Trung Hưng. — Giá trị lịch sử, tư tưởng và mỹ thuật Phật giáo Đại Việt, Phật giáo Trúc Lâm.
2	...	...	...



2. Hãy giới thiệu một bảo vật quốc gia của tỉnh Quảng Ninh mà em yêu thích theo gợi ý sau:



3. Hãy nêu một số thông tin về bảo vật quốc gia tượng Phật hoàng Trần Nhân Tông đang được lưu giữ tại Yên Tử.



4. Thực hiện 01 dự án tìm hiểu về bảo vật quốc gia tại Bảo tàng Quảng Ninh:

- Sưu tầm thông tin, hình ảnh về các bảo vật quốc gia đang được lưu giữ và trưng bày tại Bảo tàng Quảng Ninh.
- Thực hiện dự án/ sản phẩm (bằng video quay trực tiếp, video dựng bằng hình ảnh chụp có lồng tiếng thuyết minh, bài viết hoặc các sản phẩm khác...) giới thiệu giá trị của bảo vật quốc gia với du khách.

- 

Hình 4.1. Lược đồ quần đảo Vân Đồn



1. Sự hình thành, phát triển của thương cảng Vân Đồn

Kỷ Tỵ (Đại Định) năm thứ 10 (1149), vua Lý Anh Tông đã cho thành lập trang Vân Đồn, thương cảng sớm nhất lịch sử Việt Nam. Nhà Lý đã đưa ra nhiều chính sách khuyến khích ngoại thương nên giao thương tại Vân Đồn phát triển.

EM CÓ BIẾT

Sự kiện thành lập thương cảng Vân Đồn được Đại Việt sử kí toàn thư, bộ quốc sử đầu tiên của nước ta ghi lại như sau: “Kỷ Tỵ (Đại Định) năm thứ 10 (1149), thuyền buôn ba nước Trảo Oa (đảo Gia-va, In-đô-nê-xi-a), Lộ Lạc (Vương quốc La-vô, Thái Lan), Xiêm La (Thái Lan) vào Hải Đông (Quảng Ninh) xin ở lại buôn bán, bèn cho lập trang ở nơi hải đảo, gọi là Vân Đồn, để mua bán hàng quý, dâng tiến sản vật địa phương”.

Đến thời nhà Trần (1225 – 1400), thị trường hương liệu thế giới sôi động, việc phát minh ra con đường hàng hải xuyên biển từ Trung Quốc đến Ai Cập đã đẩy nhịp độ buôn bán quốc tế phát triển mạnh hơn. Vân Đồn trở thành thương cảng quốc tế thịnh vượng, trung tâm buôn bán lớn của vùng Đông Nam Á. Những chính sách cho phép mở rộng, trao đổi mua bán của triều đình đã góp phần rất lớn, biến Vân Đồn trở thành thương cảng sầm uất, nhộn nhịp và thịnh trị nhất dưới thời nhà Trần.

Thuyền bè tấp nập ở vùng cảng Vân Đồn nên nhà Trần đã nâng cấp Vân Đồn đổi từ “trang” thành “trấn” vào năm 1349. Để đảm bảo an ninh ở thương cảng, hàng ngũ quan lại và quân đội được thiết lập, kiện toàn làm nhiệm vụ quản lí dân cư, hoạt động buôn bán. Công việc trấn giữ, quản lí vùng Vân Đồn và miền Đông Bắc thường được vua Trần giao cho các thân vương, đại thần. Nổi bật trong số đó là Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư.

Thời nhà Lê Sơ (1428 – 1527) đã thực hiện chính sách quản lí chặt chẽ, dẫn đến việc hạn chế sự phát triển của kinh tế thương nghiệp, nhất là các cảng thị ngoại thương. Do vậy, thương cảng Vân Đồn ở thời kì này có dấu hiệu suy giảm so với thời kì trước đó.

Đến thời nhà Mạc (1527 – 1677), với chính sách mở cửa về thương mại, hoạt động ngoại thương tại thương cảng Vân Đồn lại hưng thịnh.

Cuối thế kỉ XVII, Kẻ Chợ (Thăng Long), Phố Hiến (Hưng Yên), Hội An (Quảng Nam) mở cửa cho thuyền buôn Trung Quốc, Nhật Bản, Hà Lan, Anh,... được vào sâu trong nội địa buôn bán. Thương cảng Vân Đồn mất hẳn vai trò trung tâm thương mại. Hoạt động ngoại thương vẫn diễn ra, nhưng không còn sầm uất.



- ① Chỉ ra các biểu hiện phát triển thịnh vượng nhất của thương cảng Vân Đồn dưới triều Trần (1225 – 1400).
- ② Nguyên nhân nào dẫn đến thương cảng Vân Đồn giảm sút và mất hẳn vai trò trung tâm thương mại của mình.

2. Vai trò của thương cảng Vân Đồn

2.1. Phát triển kinh tế giao thương

Cùng với các bến cảng trên biển, hệ thống thương cảng Vân Đồn luôn có mối liên hệ mật thiết với các trung tâm kinh tế nội địa và hệ thống các cảng trong đất liền như: bến Cái Cống (đảo Cái Bàn), bến Đượng Hạc (thị xã Quảng Yên), bến Gạo Rang, bến Bang (thành phố Hạ Long), bến Vạn Ninh (thành phố Móng Cái),... Các bến này là những điểm tập kết, trung chuyển hàng hoá từ các trung tâm sản xuất ra hệ thống cảng biển.

Để duy trì các hoạt động của một trung tâm kinh tế đối ngoại lớn, nhiều làng nghề thủ công dệt, gốm sứ vùng châu thổ sông Hồng ra đời và phát triển như: các làng gốm sứ Bát Tràng (Hà Nội), Thổ Hà (Bắc Giang), Chu Đậu (Hải Dương); các làng dệt La Khê, La Cả (Hà Nội),... Các sản phẩm xuất đi có chất lượng cao để cạnh tranh với các sản phẩm nước ngoài.

2.2. Mở rộng các mối quan hệ bang giao của nước ta

Với lợi thế của mình, Vân Đồn không những là nơi buôn bán ở trong nước mà còn là thương cảng buôn bán tấp nập của thuyền bè và thương nhân đến từ nhiều quốc gia trên thế giới như: Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ, Mông Cổ, Philippines và châu Âu. Hàng hoá được xuất đi, có giá trị, là những sản vật trên rừng, dưới biển, đồ gốm, hương liệu và gấm vóc.

Trải qua thời gian và sự bồi lắng của biển cả, diện mạo sầm uất của khu thương cảng Vân Đồn xưa không còn nữa. Hiện nay, trong lòng đất, tại các bến thuyền cổ vẫn còn hàng

triệu mảnh sành sứ vỡ hay nguyên vẹn, nhiều nền nhà, nền đình, nền chùa, tiền đồng cổ của các triều đại phong kiến Việt Nam và nhiều nước trên thế giới.



Hình 4.2. Một số hiện vật khai quật được ở Vân Đồn

EM CÓ BIẾT

Hiện nay, Bảo tàng quốc gia Topkapi Saray ở Istanbul, Thổ Nhĩ Kỳ còn lưu giữ một bình gốm được sản xuất ở làng gốm Chu Đậu (huyện Nam Sách, Hải Dương) năm 1450. Bình này cao 54 cm, sứ trắng men hoa xanh, rất nguyên vẹn. Trên vai bình gốm có 13 chữ Hán do nghệ nhân Bùi Thị Hý viết. Bình gốm này được mua bảo hiểm 2 triệu USD, cao nhất so với các bình gốm trưng bày trong bảo tàng. Các nhà nghiên cứu cho rằng, có lẽ nó đã được xuất qua thương cảng Vân Đồn, theo “con đường tơ lụa trên biển” tới Thổ Nhĩ Kỳ.

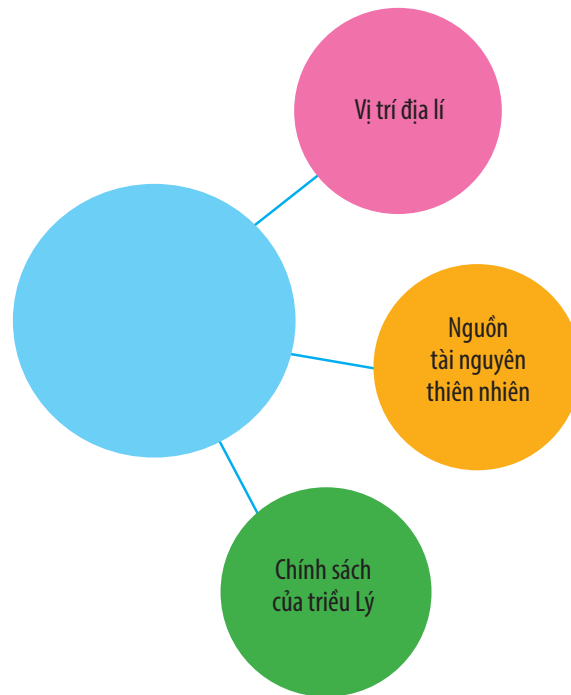
Trên “con đường tơ lụa trên biển”, thương cảng Vân Đồn được xác định là điểm trung chuyển hàng hoá giữa vùng Bắc Á với Nam Á, Ấn Độ và Địa Trung Hải.

2.3. Giao lưu văn hoá

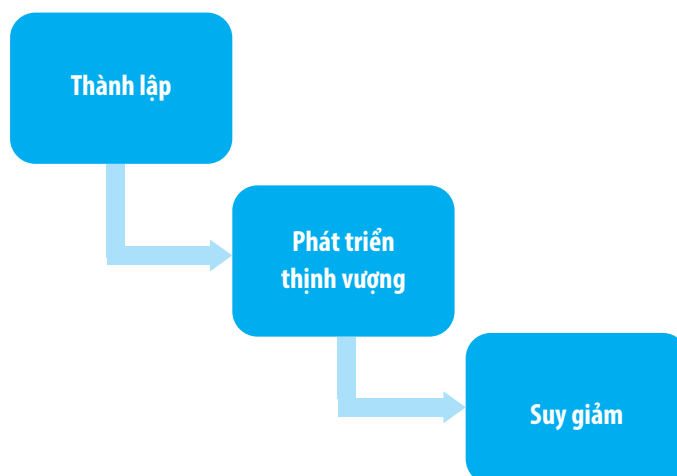
Cùng với việc giao thương, buôn bán, các vua Trần còn cho xây dựng nhiều chùa tháp với quy mô lớn như chùa Lãm, chùa Trong, chùa Cát, chùa Vụng Cây Quéo,



3. Phân tích những yếu tố để đưa đến việc thành lập thương cảng Vân Đồn ở triều Lý (năm 1149).



4. Hãy làm rõ 3 mốc thành lập, phát triển thịnh vượng và suy tàn của thương cảng Vân Đồn (XII – XVIII).



5. Thuyết trình vai trò cơ bản của thương cảng Vân Đồn trong lịch sử.



6. Hãy viết một đoạn văn nói về vai trò thương cảng quốc tế Vân Đồn trong lịch sử và liên hệ với cảng hàng không quốc tế Vân Đồn hiện nay.

- Trình bày được các di chỉ khảo cổ của nền văn hoá Hạ Long.
- Giới thiệu được một vài nét văn hoá của vùng đất, con người Hạ Long.



Dựa vào các tài liệu khảo cổ học, dấu tích sớm nhất của con người có mặt trong khu vực vịnh Hạ Long là từ thời tiền sử cách ngày nay khoảng 18.000 đến 7.000 năm (thời kì đồ đá cũ). Hiện nay trên khu vực vịnh còn một số di chỉ thuộc văn hoá Soi Nhụ, Cái Bèo và chủ yếu là các di chỉ thuộc văn hoá Hạ Long (giai đoạn sớm và giai đoạn muộn).

Việc nghiên cứu các di vật khảo cổ và đánh giá mức độ tiến hoá của công cụ sản xuất được phát hiện trên nhiều trong các địa điểm thuộc khu vực ven biển Quảng Yên, Hạ Long, Cẩm Phả, Vân Đồn và các hang động trên vịnh là căn cứ để phân chia giai đoạn văn hoá ở vịnh Hạ Long.



Em hãy ghép những hình ảnh di vật khảo cổ với các giai đoạn văn hoá trên vùng đất Quảng Ninh sao cho tương ứng.

Nền văn hoá	Hình ảnh di vật khảo cổ
a) Văn hoá Hạ Long	 Hình 5.1. Các mảnh vỏ sò và vỏ ốc môi trường nước ngọt được sử dụng làm thức ăn và công cụ

Nền văn hoá	Hình ảnh di vật khảo cổ
b) Văn hoá Soi Nhụ	 Hình 5.2. Chài lưới bằng đá
c) Văn hoá Cái Bèo	 Hình 5.3. Rìu, bôn, cuốc đá có vai, có nắp



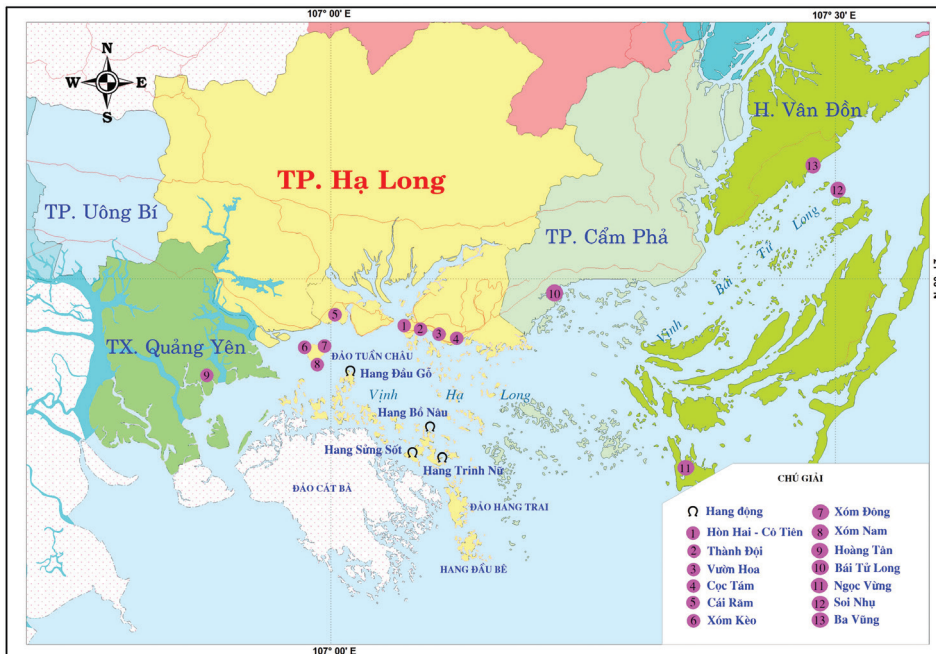
1. Các di chỉ khảo cổ thuộc nền văn hoá Hạ Long

Bảng 5.1. Hệ thống một số di chỉ khảo cổ thuộc nền văn hoá Hạ Long

Văn hoá Hạ Long	Di chỉ khảo cổ	Vị trí	Năm phát hiện	Di vật, vết tích khảo cổ
Giai đoạn sớm	Bái Tử Long	Cẩm Thạch, Cẩm Phả	1977	– Công cụ sản xuất: rìu có vai, có nắp, hòn ghè và các công cụ mài. – Vỏ sò, ốc sủi vỡ vụn và những mảnh gốm xốp, vụn, bờ pha lẫn vỏ sò mang đặc điểm của gốm văn hoá Hạ Long.
	Đông Trong dưới	Núi Đông Trong, Cái Rồng, Vân Đồn	2005	

Văn hoá Hạ Long	Di chỉ khảo cổ	Vị trí	Năm phát hiện	Di vật, vết tích khảo cổ
Giai đoạn muộn	Ba Vũng	Hạ Long, Vân Đồn	1999	– Công cụ sản xuất: công cụ ghè đẽo, rìu có vai, bôn có vai, có nấc, bàn mài rãnh chữ U, công cụ mũi nhọn mài, chày lưới,... – Gốm xốp có hoa văn vân thừng, đắp nổi... các trang sức vòng đá...
	Soi Nhụ dưới	Hạ Long, Vân Đồn	1964	
	Ngọc Vũng	Ngọc Vũng, Vân Đồn	1938	
	Động Mê Cung ⁽⁴⁾	Vịnh Hạ Long	2008	
	Thành Đội	Hồng Hải, Hạ Long	2000	
	Hòn Hai – Cô Tiên	Bạch Đằng, Hạ Long	2001	
	Vườn Hoa	Hồng Hà, Hạ Long	1970	
	Cọc Tám	Cọc Tám, Hồng Hà, Hạ Long	1970	
	Cái Dăm	Cái Dăm, Bãi Cháy, Hạ Long	1938	
	Hoàng Tân	Thôn 3, Hoàng Tân, Quảng Yên	1988	

Trên khu vực vịnh Hạ Long còn 4 hang động có dấu tích khảo cổ của văn hoá Soi Nhụ là hang Trống, hang Luồn, hang Bồ Nâu, hang Thiên Long và 1 hang động có dấu tích của văn hoá Hạ Long giai đoạn muộn là hang Trinh Nữ. Các di tích này hiện đang được Ban quản lí vịnh Hạ Long bảo tồn và trình các cấp tiến hành khảo sát, nghiên cứu cụ thể.



Hình 5.4. Lược đồ một số di chỉ khảo cổ thuộc văn hoá Hạ Long

(4) Động Mê Cung hiện có hai tầng văn hoá được phát hiện: Một tầng thuộc văn hoá Soi Nhụ và một tầng thuộc văn hoá Hạ Long giai đoạn muộn.



- ① Dựa vào lược đồ hình 5.4, hãy trình bày sự phân bố các di chỉ khảo cổ thuộc văn hoá Hạ Long.
- ② Nêu hiểu biết của em về một di chỉ khảo cổ: người phát hiện, quá trình nghiên cứu di chỉ (nếu có), các di vật khảo cổ minh chứng cho giai đoạn lịch sử xuất hiện, giá trị văn hoá và lịch sử của di chỉ.

EM CÓ BIẾT

Hang Tiên Ông được nhà khảo cổ học J.G. Anderson người Thụy Điển phát hiện và nghiên cứu từ năm 1938. Hang Tiên Ông chính là một trong những điểm cư trú, sinh sống của người Việt cổ thuộc nền văn hoá Soi Nhụ trên vịnh Hạ Long. Di vật xương và đồ gốm, vỏ ốc, vỏ sò cho thấy cư dân tiền sử nơi đây bên cạnh việc khai thác nguồn thức ăn từ các con sông, suối, người dân đã làm quen và khai thác các sản vật từ biển. Đây chính là một trong những tiền đề quan trọng cho các nền văn hoá biển phát triển nối tiếp ở giai đoạn sau phát triển như: văn hoá Cái Bèo và văn hoá Hạ Long.

Hiện nay, các di vật khảo cổ được trưng bày tại hang Tiên Ông, đây được xem là bảo tàng tại chỗ, giúp du khách không chỉ hiểu về giá trị khảo cổ của hang Tiên Ông mà còn biết đến một nền văn hoá đã từng tồn tại ở khu vực vịnh Hạ Long.



Hình 5.5. Mảnh xương cá hoá thạch và lưỡi câu



Hình 5.6. Mảnh vỏ động vật biển và ốc nước ngọt



Hình 5.7. Mảnh gốm thô sơ

Các di chỉ khảo cổ cùng với các di vật khảo cổ khai quật được đã giúp các nhà nghiên cứu tái hiện lại các giai đoạn văn hoá diễn ra trên khu vực vịnh Hạ Long thời tiền sử. Tuy nhiên, hiện nay do sự tác động của các yếu tố khách quan và chủ quan khiến một số di chỉ khảo cổ bị thu hẹp, xuống cấp, thậm chí biến mất.



Theo em, vì sao phải bảo tồn, gìn giữ các di chỉ khảo cổ, di sản văn hoá Hạ Long? Hãy đưa ra một vài giải pháp bảo tồn.

2. Vài nét giá trị văn hoá, lịch sử của vùng đất và con người Hạ Long

2.1. Giá trị văn hoá, lịch sử của vùng đất Hạ Long

Vùng đất Hạ Long không chỉ ghi lại dấu ấn quá trình hình thành xã hội nguyên thuỷ mà còn ghi dấu lại cả quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của cha ông ta cho đến ngày nay.

Văn hoá Hạ Long từ thời kì tiền sử (giai đoạn sơ kì Đá mới) kéo dài cho đến ngày nay, vừa mang nét chung giao thoa với nền văn hoá đồng bằng Bắc Bộ, vừa mang những nét riêng của cộng đồng người sinh sống trên vùng biển giàu tài nguyên. Hạ Long được xác định là một trong những cái nôi của người Việt cổ.

Trong thời kì phong kiến, ông cha ta có ba lần chiến thắng trên sông Bạch Đằng: Ngô Quyền đánh thắng quân Nam Hán (năm 938); Lê Hoàn đánh thắng quân Tống (năm 981); chiến thắng của Trần Hưng Đạo mùa xuân 1288 trên sông Bạch Đằng.

Trong thời kì kháng chiến chống Pháp:

- + Hang Đúc Tiền là căn cứ của nghĩa quân Đề Hồng, Cai Thái – nghĩa quân lập xưởng đúc súng, đúc tiền để chuẩn bị cho cuộc kháng chiến chống Pháp.

- + Ngày 01 – 05 – 1930, lá cờ đỏ búa liềm tung bay phấp phới trên đỉnh núi Bài Thơ, đánh dấu một giai đoạn mới của phong trào đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân vùng mỏ, góp phần đập tan xiềng xích nô lệ của thực dân Pháp.

- + Ngày 24 – 03 – 1946, Hồ Chủ tịch hội đàm với Cao uỷ Pháp Đác-giăng-li-ơ (Georges Thierry d'Argenlien) trên chiến hạm Ê-min Béc-tanh (Emin Bectanh – chiến hạm Rạng Đông) trên vịnh Hạ Long.

Trong thời kì kháng chiến chống Mỹ:

- + Vào đầu những năm 60 của thế kỉ XX, những chuyến tàu không số xuất phát từ khu vực vịnh Hạ Long tiến vào miền Nam, mang theo vũ khí, đạn dược,... góp phần vào chiến thắng vẻ vang của nhân dân ta trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ cứu nước (tuyến đường Hồ Chí Minh trên biển).

- + Ngày 05 – 08 – 1964, quân dân thành phố Hạ Long bắn rơi 3 chiếc máy bay Mỹ, bắt sống phi công Mỹ đầu tiên trên miền Bắc.

2.2. Vài nét về con người Hạ Long

a) Về nghề nghiệp

Từ xa xưa, để thích nghi với sự thay đổi của tự nhiên, con người Hạ Long phải tìm cách thích ứng với đời sống môi trường biển. Để di chuyển, họ đã tạo ra những chiếc thuyền. Dần dần, con thuyền không chỉ là công cụ kiếm sống mà còn là nhà, là nơi ở.

Với kinh nghiệm sống quanh năm lên đênh trên biển, cư dân Hạ Long có sự hiểu biết sâu sắc về quy luật hải văn (khí hậu, dòng biển, thủy triều...). Họ tự tạo ra một lược đồ trí nhớ về các hòn, đảo, bãi triều ngập mặn riêng và truyền lại cho con cháu của họ. Nhờ vậy, những con người Hạ Long cùng với sự sáng tạo trong đời sống sản xuất đã khai thác những lợi thế mà biển đem lại như đánh bắt, nuôi trồng hải sản, đặc sản biển. Cũng chính họ đã đặt nền móng cho hoạt động giao thương đường biển đầu tiên ở khu vực Đông Bắc.

b) Về tín ngưỡng và văn hoá

Cũng như người dân ở những vùng miền khác, người dân Hạ Long thờ cúng tổ tiên và coi đó là tín ngưỡng thiêng liêng không thể thiếu. Nó thể hiện sự gắn kết trong gia đình, truyền thống uống nước, nhớ nguồn,...

Do đời sống gắn liền với biển, phụ thuộc vào thiên nhiên nên họ cũng thờ thần thánh, nhân thần (miếu Thủy Thần, đền Cậu Vàng,...). Cùng với đó là các lễ hội truyền thống phong phú và đặc sắc như: Lễ hội đình Giang Vông, lễ hội đền Bà Men,... Ngày nay, với sự giao thoa văn hoá hiện đại, tại đây còn tổ chức lễ hội Carnival đánh dấu mùa du lịch trong năm ở Quảng Ninh.

Văn hoá dân gian làm giàu thêm đời sống tinh thần của người dân Hạ Long. Những câu hát giao duyên, hát đúm, hát chèo đường,... trong những thời gian nghỉ ngơi sau ngày làm việc lao động vất vả là phương tiện để mọi người hiểu nhau hơn, gắn kết hơn. Cũng từ đó tạo nên cho người dân tính cách hiền hậu, hào sảng,...



Hình 5.8. Lễ hội Đền Bà Men

Hiện nay, do những nhu cầu về đời sống hiện đại ngày càng cao hơn, cũng như góp phần bảo tồn những nét đẹp tự nhiên của vịnh Hạ Long, phần lớn cư dân ở đây đã di chuyển lên sinh sống, an cư lạc nghiệp trên đất liền, vùng ven biển. Nhưng những nét văn hoá đặc trưng, những kinh nghiệm phong phú của cư dân về vùng vịnh không bị mai

một đi, mà ngày càng khẳng định nét đặc trưng riêng gắn bó với vùng đất, vùng biển nơi cư dân sinh sống; nét văn hoá đó đã trở thành linh hồn của vịnh.



Hình 5.9. Biểu diễn hát giao duyên trên vịnh Hạ Long

Con người Hạ Long trải qua những thăng trầm của lịch sử, đã tạo nên tính cách hiền hậu, hào sảng, cởi mở, hiếu khách và tinh thần đoàn kết. Chính điều đó đã tạo điểm nhấn thu hút du khách khi đến với Quảng Ninh, góp phần để vịnh Hạ Long trở thành nơi bảo tồn về di sản văn hoá miền biển đặc sắc của nước ta.



- ① Hãy liệt kê các giá trị văn hoá – lịch sử của vùng đất Hạ Long.
- ② Hãy chỉ ra các nét văn hoá nổi bật của con người Hạ Long.



3. Em cần làm gì để gìn giữ, phát huy những giá trị của văn hoá, lịch sử con người và vùng đất Hạ Long?

4. Đóng vai là một hướng dẫn viên du lịch, hãy viết một bài giới thiệu nhằm quảng bá hình ảnh văn hoá và con người Hạ Long với bạn bè trong nước và quốc tế (bằng tiếng Việt, ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc).



5. Làm sản phẩm (thiết kế đồ hoạ thông tin – infographic, sổ tay giới thiệu, viết truyện tranh, làm video...) về các di chỉ khảo cổ văn hoá Hạ Long hoặc các di tích lịch sử gắn liền với chiến thắng Bạch Đằng, các dấu ấn thời kì kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ của vùng đất Hạ Long.

- Trình bày được những nét chính về cuộc đời – sự nghiệp của Hoàng đế Trần Nhân Tông.
- Giới thiệu được giá trị văn hoá lịch sử am Ngoại Văn trong Khu di tích Nhà Trần tại Đông Triều.



Cuộc đời và sự nghiệp của Hoàng đế Trần Nhân Tông gắn liền với những đóng góp to lớn cho dân tộc Việt Nam nói chung và cho Quảng Ninh nói riêng. Hoàng đế Trần Nhân Tông là một bậc minh quân, có trách nhiệm với dân, với nước, xây dựng đất nước thái bình. Hoàng đế Trần Nhân Tông là vị hoàng đế anh minh, lãnh tụ thiên tài, anh hùng dân tộc – Người có công đóng góp to lớn trong công cuộc tạo dựng một Việt Nam đậm đà bản sắc dân tộc.



Em có biết vị vua nào đã lãnh đạo nhân dân ta chiến thắng giặc Mông – Nguyên vào các năm 1285 và 1288?



1. Hoàng đế Trần Nhân Tông (1258 – 1308)

Hoàng đế Trần Nhân Tông tên huý là Trần Khâm, con đầu của vua Trần Thánh Tông, sinh ngày 11 tháng 11 âm lịch năm Mậu Ngọ (1258). Khi mới sinh, Ngài có màu da ánh sắc như vàng ròng nên được vua cha gọi là “Kim Phật”. Ngay từ nhỏ, Hoàng đế Trần Nhân Tông là người thông minh, ham đọc sách lại được vua cha quan tâm dạy dỗ nên Ngài sớm có sự hiểu biết uyên thâm, giàu lòng nhân ái.

Năm 16 tuổi, Ngài được lập Hoàng Thái tử. Năm Mậu Dần (1278), khi vừa tròn 20 tuổi, Hoàng Thái tử Khâm được vua Trần Thánh Tông truyền ngôi, xưng là Hoàng đế, hiệu là Hiếu Hoàng.



Hình 6.1. Đức vua Trần Nhân Tông (1258 – 1308)

Kế tục sự nghiệp của các Tiên đế nhà Trần, Đức vua Trần Nhân Tông đã thi hành nhiều chính sách khoan hoà, thân dân, lấy đức mà trị vì Đại Việt, chăm lo cho dân chúng, xây dựng quốc gia hoà bình, thịnh trị. Khi giặc Mông – Nguyên xâm chiếm Đại Việt năm 1282, Ngài chủ trì Hội nghị Bình Than lấy ý kiến của toàn quân, toàn dân Đại Việt, đoàn kết chống giặc ngoại xâm. Sau đó, Ngài đã trực tiếp lãnh đạo quân dân Đại Việt hai lần chiến thắng giặc Mông – Nguyên vào các năm 1285 và 1288.

Sau khi đánh đuổi giặc ngoại xâm, xã tắc thanh bình, dân chúng an cư lạc nghiệp, Ngài đã có nhiều chính sách củng cố triều đình, đoàn kết toàn dân xây dựng, phát triển quốc gia Đại Việt vững mạnh, trường tồn. Đặc biệt là chính sách hoà giải, Ngài đã xoá bỏ mọi lỗi lầm trước đó của các quần thần, không ngừng củng cố khối đại đoàn kết dân tộc. Về ngoại giao, Ngài đã thực thi phương sách vừa mềm dẻo, vừa cứng rắn với các nước lân bang.

Đức vua – Phật hoàng Trần Nhân Tông là vị hoàng đế anh minh, lãnh tụ thiên tài, anh hùng dân tộc. Ngài là nhà văn hoá lớn, nhà tư tưởng lớn, là người sáng lập nền Phật giáo Trúc Lâm và dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử được các thế hệ nhân dân ta tôn xưng là Vua Phật Việt Nam.



Em hãy giới thiệu về cuộc đời và sự nghiệp của Hoàng đế Trần Nhân Tông. Qua đó, em hãy nêu những đóng góp của Hoàng đế Trần Nhân Tông có ý nghĩa về văn hoá lịch sử cho dân tộc Việt Nam ngày nay.

2. Am Ngoạ Vân

Am – chùa Ngoạ Vân nằm trên núi Bảo Đài ở độ cao 600 m so với mực nước biển, thuộc vòng cung Đông Triều, thôn Tây Sơn, xã Bình Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Am Ngoạ Vân gắn bó sâu sắc với cuộc đời của đức vua – Phật hoàng Trần Nhân Tông – vị sư tổ của Thiền phái Trúc Lâm.

Ngoạ Vân nghĩa là nằm trên mây, hầu như quanh năm chùa đều có mây bao phủ. Tới Ngoạ Vân mặc dù phải vượt qua một quãng đường gập ghềnh, khúc khuỷu nhưng khi đến được di tích, chúng ta không thể không cảm phục ý chí, nghị lực phi thường của đức vua Trần Nhân Tông.

Am Ngoạ Vân ở một vị trí đẹp cả về phương diện cảnh quan và phương diện phong thuỷ cũng là nơi Hoàng đế Trần Nhân Tông trút hơi thở cuối cùng. Sau khi Hoàng đế Trần Nhân Tông qua đời, các thế hệ sau đã xây dựng lại am Ngoạ Vân để thờ cúng Ngài.

Khác với các di tích đã được trùng tu vào giai đoạn sau này, Ngoạ Vân và các di tích quốc gia đặc biệt nhà Trần vẫn còn hệ thống am tháp nguyên vẹn. Đặc biệt nơi đây giữ được nhiều di vật từ thời Trần như hộp hoa sen bằng vàng mới được tìm thấy năm 2019 và được công nhận là bảo vật Quốc gia.



Hình 6.2. Am Ngoạ Vân

Am Ngoạ Vân được xây dựng vào thời Trần, thời Hậu Lê được tôn tạo lại với quy mô lớn hơn. Sang thời Lê Trung Hưng, Phật giáo đã trở lại hưng thịnh, chùa chiền, am tháp được các tầng lớp quý tộc quan tâm, hỗ trợ nên am – chùa Ngoạ Vân đã được các nhà sư đứng ra tu tạo khang trang. Lần trùng tu lớn nhất là vào năm Đinh Hợi (1707) niên hiệu Vĩnh Thịnh (hiện còn bia đá ghi nhận). Thời kì chống Pháp, du kích huyện Đông Triều và quân Đệ tứ chiến khu đã từng rút về hoạt động ở đây nên di tích kiến trúc này bị thực dân Pháp đánh phá hư hỏng nặng và đổ nát. Năm 2002, chùa mới được khôi phục lại như hiện nay.



Em hãy nêu những giá trị về văn hoá lịch sử am Ngoạ Vân trong Khu di tích Nhà Trần tại Đông Triều.



3. Trình bày dưới dạng sơ đồ hoá một số sự kiện trong cuộc đời của Hoàng đế Trần Nhân Tông theo gợi ý sau:



4. Hãy tìm hiểu và viết về giá trị lịch sử, văn hoá của am Ngoại Vân.

5. Đóng vai một hướng dẫn viên du lịch hãy viết một bài giới thiệu và thuyết trình về cuộc đời và sự nghiệp của Hoàng đế Trần Nhân Tông.

Tham gia các hoạt động giáo dục tại Bảo tàng Quảng Ninh (hoặc tại thực địa, qua các kênh thông tin): giới thiệu được những chiếc cọc gỗ lim được trưng bày trong bảo tàng (viết bài hoặc làm các sản phẩm); giới thiệu được các di chỉ khảo cổ của nền văn hoá Hạ Long; giới thiệu được các Bảo vật quốc gia của tỉnh Quảng Ninh (viết bài hoặc làm các sản phẩm).



Hình 7.1. Bảo tàng Quảng Ninh

1. Cần chuẩn bị những đồ dùng học tập và thiết bị điện tử nào để tham gia các hoạt động giáo dục tại Bảo tàng Quảng Ninh?

Đồ dùng học tập

• Vở ghi chép, bút,...

Thiết bị điện tử

• Thiết bị ghi âm, ghi hình,...

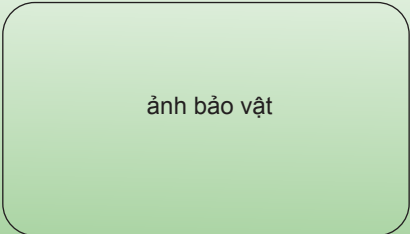
2. Lập kế hoạch

Em cùng các bạn hãy lập bảng kế hoạch và phân công tìm hiểu, giới thiệu về một trong số các nội dung sau: Những chiếc cọc gỗ lim/ Di chỉ khảo cổ nền văn hoá Hạ Long/ Bảo vật quốc gia của tỉnh Quảng Ninh.

STT	Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Yêu cầu sản phẩm
	?	?	?	?

3. Các mẫu phiếu thu thập thông tin

3.1. Phiếu thông tin giới thiệu về những chiếc cọc gỗ lim trưng bày trong bảo tàng

PHIẾU THÔNG TIN GIỚI THIỆU VỀ NHỮNG CHIẾC CỌC GỖ LIM	
1. Thông tin chung	
– Tên hiện vật:	
– Năm khai quật:	
– Địa điểm khai quật:	
2. Mô tả hiện vật	
3. Cách bố trí bãi cọc	
4. Vai trò của bãi cọc trong trận chiến Bạch Đằng năm 1288	

3.2. Phiếu thông tin giới thiệu về các di chỉ khảo cổ của nền văn hoá Hạ Long

PHIẾU THÔNG TIN GIỚI THIỆU VỀ MỘT DI CHỈ KHẢO CỔ CỦA NỀN VĂN HOÁ HẠ LONG	
1. Thông tin chung	
– Tên di chỉ:	
– Năm khai quật:	
2. Hình ảnh hiện vật của di chỉ	
3. Mô tả hiện vật của di chỉ	
4. Giá trị của hiện vật	

3.3. Phiếu thông tin giới thiệu về một số bảo vật quốc gia của tỉnh Quảng Ninh

PHIẾU THÔNG TIN GIỚI THIỆU VỀ MỘT BẢO VẬT QUỐC GIA CỦA TỈNH QUẢNG NINH

Tên bảo vật

– Niên đại của bảo vật:

– Mô tả bảo vật:

– Giá trị của bảo vật:

ảnh bảo vật

4. Tổ chức để học sinh giới thiệu về: Những chiếc cọc gỗ lim/ Di chỉ khảo cổ nền văn hoá Hạ Long/ Bảo vật quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh



Hình 7.2. Học sinh tham quan Bảo tàng Quảng Ninh

5. Tổ chức nhận xét, đánh giá và tổng kết

BẢNG ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM CỦA HỌC SINH

Thông tin chung:

Nhóm trình bày:

Công việc được giao:

Người/ nhóm đánh giá:

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ		ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM CỦA NHÓM KHÁC	ĐIỂM CỦA GIÁO VIÊN
NỘI DUNG	Thông tin trình bày đầy đủ, chính xác	20		
	Có sự mô tả chi tiết hiện vật/ di chỉ/ bảo vật	10		
	Trả lời tốt các câu hỏi thảo luận thêm	10		
	Nêu được ý nghĩa của việc học tập về hiện vật/ di chỉ/ bảo vật ở bảo tàng	20		
ĐIỂM		60		
TRÌNH BÀY	Bố cục hợp lý, rõ ràng, dễ theo dõi	10		
	Phong thái thuyết trình tự tin, cuốn hút người nghe	10		
	Có sự phối hợp, phân công giữa các thành viên trong nhóm thuyết trình	10		
	Thời gian thuyết trình vừa đủ	10		
ĐIỂM		40		
TỔNG ĐIỂM		100		

XẾP LOẠI

Tốt: 80 – 100	Đạt: 50 – 64
Khá: 65 – 79	Chưa đạt: dưới 50

- Trình bày được vai trò của thể thao với đời sống của người dân Quảng Ninh.
- Kể tên/ giới thiệu được một số môn thể thao có thành tích cao và vận động viên, huấn luyện viên tiêu biểu của Quảng Ninh.



- ① Em hãy nêu tên các vận động viên tiêu biểu của Quảng Ninh. Em có ấn tượng và học tập được điều gì về các vận động viên đó?
- ② Kể tên một số giải thể thao truyền thống cấp tỉnh mà em biết.



1. Vai trò của thể thao đối với đời sống người dân Quảng Ninh



Hình 8.1. Khai mạc Hội khỏe Phù Đổng tỉnh Quảng Ninh lần thứ IX năm 2016

1.1. Giáo dục thể chất nâng cao sức khỏe, gắn với học tập, lao động, bảo vệ Tổ quốc

Thể dục thể thao nâng cao sức khỏe, tầm vóc, thể lực, giáo dục đạo đức, rèn luyện ý chí, góp phần hoàn thiện nhân cách con người.

Quảng Ninh chủ động nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” gắn với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” và phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”. Các khu dân cư, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, trường học là địa bàn triển khai các phong trào rèn luyện thể dục thể thao “Khỏe để học tập, lao động, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”.

Hiện nay, số người tham gia luyện tập thể dục thể thao thường xuyên của Quảng Ninh đạt 26%, số gia đình thể thao chiếm 17% số hộ, 100% các trường học phổ thông của tỉnh thực hiện thể dục nội khoá, nhiều trường đã có hoạt động thể thao ngoại khoá. Hằng năm, trên địa bàn tỉnh tổ chức trên 800 giải thi đấu thể dục thể thao quần chúng từ cấp cơ sở đến cấp tỉnh. Cấp tỉnh có trên 20 giải thi đấu, trong đó có các giải truyền thống như: Giải bơi tổ chức từ năm 1973; Giải cờ tổ chức từ năm 1985.

1.2. Cải thiện đời sống văn hoá tinh thần và phòng chống bệnh tật

Hầu hết các xã, phường, thị trấn của tỉnh Quảng Ninh đều có nhà văn hoá thể thao, các nhà văn hoá thôn, khu phố cũng là nơi hoạt động thể thao cơ sở. Thể thao đã góp phần thoả mãn nhu cầu rèn luyện sức khoẻ, cải thiện đời sống văn hoá tinh thần, khơi nguồn sáng tạo và phòng chống bệnh tật.

Toàn tỉnh có gần 2000 câu lạc bộ thể dục thể thao hoạt động thường xuyên, với nhiều môn thể thao mới, nhất là các môn thể thao giải trí, đáp ứng nhu cầu sở thích của tất cả các đối tượng. Các hoạt động giao lưu, thi đấu thể thao được gắn với các lễ hội truyền thống đã tạo không khí hào hứng trong cuộc sống, nhất là lễ hội văn hoá thể thao của các dân tộc thiểu số.

Trong Tuần văn hoá – Thể thao các dân tộc vùng Đông Bắc của Quảng Ninh, tổ chức thường niên từ năm 2017 tại huyện Tiên Yên, có thi đấu các môn thể thao: Kéo co, đẩy gậy, bắn nỏ, ném còn, chạy vượt đồi núi,... Trong các lễ hội, ngày hội của người dân tộc thiểu số tại các địa phương của tỉnh còn thi đấu các môn: Đi cà kheo nhanh, bắn súng chạc trúng đích, biểu diễn võ thuật cổ truyền dân tộc, bơi chải...



Hình 8.2. Toàn cảnh Nhà thi đấu đa năng 5000 chỗ – Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục thể thao Quảng Ninh (phường Đại Yên, thành phố Hạ Long)

1.3. Thể thao gắn với phát triển du lịch

Quảng Ninh chú trọng phát triển thể thao gắn với phát triển du lịch, trở thành nội dung, sản phẩm của hoạt động du lịch. Nhiều sự kiện thể thao được tỉnh cùng các doanh nghiệp du lịch tổ chức đã kích thích, song hành với phát triển hoạt động du lịch trên địa bàn như:

- Giải việt dã leo núi Yên Tử;
- Giải bóng chuyền bãi biển nữ thế giới Tuần Châu;
- Giải marathon quốc tế di sản vịnh Hạ Long.

Các môn thể thao hiện đại, mạo hiểm và giải trí đã được phát triển trong các khu du lịch hướng tới phát triển công nghiệp giải trí trên địa bàn tỉnh. Tỉnh Quảng Ninh chủ trương tăng cường tổ chức, đăng cai tổ chức các sự kiện, giải thi đấu thể thao cấp tỉnh, cấp quốc gia và quốc tế góp phần phát triển du lịch, dịch vụ...

1.4. Thể thao góp phần thúc đẩy hoạt động giao lưu đối ngoại

Thể thao đã góp phần thúc đẩy hoạt động giao lưu đối ngoại của Quảng Ninh với nước bạn. Thông qua đó quảng bá hình ảnh Quảng Ninh đến với bạn bè quốc tế. Hoạt động giao lưu văn hoá, thể thao giữa tỉnh Quảng Ninh với Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc) đã góp phần tăng cường giao lưu, hợp tác giữa hai tỉnh – khu của hai nước. Nhiều giải đua thuyền chài của Quảng Ninh có sự tham gia của các đội đua thuyền chài từ Quảng Tây (Trung Quốc).

Hoạt động thể thao cũng góp phần thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước đến tìm hiểu cơ hội đầu tư tại Quảng Ninh.



- ① Hãy nêu vai trò của thể thao đối với đời sống của người dân Quảng Ninh?
- ② Vì sao Quảng Ninh lại phát triển thể thao gắn với hoạt động du lịch?

2. Một số môn thể thao có thành tích cao của Quảng Ninh



Hình 8.3. Ông Hoàng Quốc Việt, Chủ tịch Tổng Công đoàn Việt Nam (giữa) gặp mặt Đội bóng đá Than Quảng Ninh năm 1980

2.1. Bóng đá

Đội bóng đá nam Than Quảng Ninh có truyền thống từ đội bóng đá Hồng Quảng được thành lập năm 1956. Mùa bóng năm 1961 – 1962, đội thi đấu ở hạng A, đã giành chức vô địch giải Tổng Công đoàn Việt Nam. Từ năm 2013, đội được lên hạng thi đấu tại giải vô địch quốc gia (V.League) và luôn ở vị trí tốp 5. Năm 2016, lần đầu tiên đội đoạt ngôi vô địch Giải bóng đá Cúp Quốc gia. Đội bóng đá nữ Than – Khoáng sản Việt Nam vô địch quốc gia năm 2012. Đội bóng đá nữ U19 vô địch quốc gia năm 2015.

2.2. Bóng chuyền

Đội bóng chuyền nữ Quảng Ninh đã 5 lần vô địch quốc gia các năm 1979, 1984, 1985, 1990, 1992, có nhiều vận động viên khoác áo đội tuyển quốc gia. Sau đó, đội mang tên Bưu điện Quảng Ninh với thế hệ “vàng” như Trần Thị Yến, Bùi Lan Anh, Trần Thị Hiền, Bùi Thị Hương. Đội đã vô địch quốc gia 3 năm liên tiếp 1999, 2000, 2001. Năm 2005, sau khi đội đổi tên là Tuần Châu Quảng Ninh đã giành ngôi Á quân quốc gia. Từ năm 2015, đội vô địch giải bóng chuyền hạng A1, được thăng hạng thi đấu tại giải Vô địch bóng chuyền đội mạnh, hằng năm đội đứng trong tốp 5.

2.3. Cờ vua

Cờ vua là môn thể thao trọng điểm của Quảng Ninh. Trong các kì Hội khoẻ Phù Đổng toàn quốc và đại hội Thể dục thể thao toàn quốc, môn cờ vua luôn có huy chương, góp phần khẳng định thành tích tỉnh Quảng Ninh. Thành tích mà Quảng Ninh đạt được trong Hội khoẻ Phù Đổng toàn quốc lần thứ III, năm 1992, thì riêng môn cờ vua đã có 9/26 huy chương, trong đó, huy chương vàng có 3/7 huy chương.

2.4. Bơi

Bơi là môn thể thao ưa thích gần gũi với đời sống nhân dân trong tỉnh. Giải bơi truyền thống vượt sông Bạch Đằng của tỉnh được tổ chức liên tục từ năm 1973 đã tạo nên phong trào bơi trong toàn tỉnh. Tại Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ hai (năm 1990) môn bơi đã giành huy chương vàng duy nhất cho Quảng Ninh. Tại Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc lần thứ ba (năm 1995) môn bơi giành 2 huy chương vàng.

2.5. Điền kinh

Từ những năm 1980, môn điền kinh ở Quảng Ninh rất phát triển, trong đó là đội hình việt dã. Đội Quảng Ninh đã giành chức vô địch giải việt dã toàn quốc trong các năm 1988, 1989, 1994 và 1995.

2.6. Bắn súng

Môn thể thao bắn súng được xác định là môn mũi nhọn, được quan tâm phát triển từ năm 1964, khi phong trào rèn luyện 5 môn quân sự phối hợp được triển khai sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân. Qua các kì Đại hội Thể thao toàn quốc, đội bắn súng Quảng Ninh đều giành được huy chương.

2.7. Pencak Silat

Môn thể thao Pencak Silat được phát triển ở Quảng Ninh từ năm 1996. Ngay tại Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ IV năm 2002, môn Pencak Silat của Quảng Ninh đã giành huy chương vàng và đây là một trong 3 huy chương vàng của Quảng Ninh tại Đại hội này. Nhiều vận động viên của môn này giành huy chương vàng các giải trong nước và quốc tế. Đây là môn được Quảng Ninh xác định là môn thể thao trọng điểm mũi nhọn của tỉnh Quảng Ninh.

2.8. Đua thuyền

Đua thuyền là môn thể thao mới của Quảng Ninh nhưng đã mang lại nhiều thành tích cho thể thao của tỉnh. Chỉ tính từ năm 2014 đến năm 2020, các vận động viên đua thuyền đã giành được 273 huy chương, trong đó 97 huy chương vàng, 95 huy chương bạc, 81 huy chương đồng. Đua thuyền được Quảng Ninh xác định là môn thể thao đầu tư mũi nhọn. Tại Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ VIII năm 2018 tại Hà Nội, đội đua thuyền Canoeing nữ Quảng Ninh đã giành 4 huy chương vàng.

3. Một số vận động viên tiêu biểu

Vận động viên bóng đá Nguyễn Đình Hùng B (1949 – 2016 tại thành phố Hạ Long), tiêu biểu cho thế hệ “cầu thủ vàng” của đội bóng đá Than Quảng Ninh thập niên 70, 80 thế kỉ trước. Nguyễn Đình Hùng B đã cùng đồng đội của mình đưa bóng đá vùng Mỏ trở thành một trong những đội bóng mạnh nhất Việt Nam khi giành huy chương Bạc giải bóng đá miền Bắc và đứng đầu bảng A giải A1 toàn quốc năm 1981. Không chỉ là “ngôi sao sân cỏ”, Nguyễn Đình Hùng B còn thành danh trên cương vị Huấn luyện viên khi đưa đội tuyển của Than Quảng Ninh giành Cup vô địch Giải bóng đá trẻ toàn quốc năm 1986, dẫn dắt đội bóng đá Than Quảng Ninh lên hạng A1 năm 1989, huấn luyện đội bóng đá Nhi đồng giành Cup vô địch quốc gia lứa tuổi U11 năm 1996 và là người thầy đầu tiên có công xây dựng bóng đá nữ vùng Mỏ.

Vận động viên bóng đá nữ Nguyễn Thị Mai Lan (sinh năm 1980 tại thị xã Đông Triều). Nguyễn Thị Mai Lan cùng đội tuyển quốc gia bóng đá nữ Việt Nam giành huy chương

vàng tại SEA Games năm 2001, năm 2003 và năm 2005. Nguyễn Thị Mai Lan còn được AFC bầu chọn là cầu thủ xuất sắc nhất môn bóng đá nữ tại SEA Games 21 năm 2001.

Vận động viên bóng chuyền nữ Trần Thị Yến (sinh năm 1967 tại thành phố Cẩm Phả), Trần Thị Yến cùng đội bóng chuyền nữ Bưu điện Quảng Ninh giành liên tiếp 3 Cúp vàng Giải bóng chuyền vô địch quốc gia các năm 1999, năm 2000 và năm 2001.

Đại kiện tướng cờ vua thế giới Nguyễn Anh Dũng (sinh năm 1976 tại thành phố Cẩm Phả), đại kiện tướng cờ vua thế giới. Từ năm 1993, Nguyễn Anh Dũng giành Huy chương Vàng giải trẻ Châu Á, được phong danh hiệu kiện tướng cờ vua quốc tế. Năm 1994, Nguyễn Anh Dũng tiếp tục giành huy chương bạc giải trẻ Châu Á và được Liên đoàn cờ vua thế giới xếp vào top 20 kì thủ trẻ có sức cờ mạnh nhất hành tinh. Năm 2001, Nguyễn Anh Dũng vô địch giải khu vực giành suất tham dự Giải vô địch thế giới FIDE 2002 và được phong danh hiệu đại kiện tướng cờ vua thế giới.

Vận động viên cờ vua Nguyễn Lê Cẩm Hiền (sinh năm 2007 tại thành phố Hạ Long) là con gái đại kiện tướng Nguyễn Anh Dũng và kiện tướng FIDE Lê Thị Phương Liên, được đặt danh hiệu “Kì thủ vàng”. Nguyễn Lê Cẩm Hiền đạt huy chương vàng và Cúp Vô địch cờ vua trẻ thế giới năm 2015.

Vận động viên bơi Ngô Đình Chuyền (sinh năm 1999 tại thị xã Quảng Yên), đã giành 1 huy chương bạc và 2 huy chương đồng môn bơi tại SEA Games 30 năm 2019.

Vận động viên điền kinh Nguyễn Thị Phương (sinh năm 1973 tại thị xã Đông Triều). Thành tích thể thao của Nguyễn Thị Phương: Giành nhiều huy chương vàng tại Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc lần thứ II năm 1990; vô địch nhiều lần và phá 2 kỉ lục quốc gia.



Hình 8.4. Đại kiện tướng Nguyễn Anh Dũng với Cúp giải vô địch cờ vua trẻ Châu Á năm 2000

Vận động viên điền kinh Vũ Thị Hoa (sinh năm 1972 tại thành phố Uông Bí), vận động viên môn điền kinh, 4 lần vô địch ở giải việt dã toàn quốc do báo Tiền Phong tổ chức, giành 3 huy chương bạc giải marathon quốc tế tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội. Nhiều năm liền Vũ Thị Hoa giữ 2 kỉ lục quốc gia cự li 42 km và 10 km nữ.

Vận động viên điền kinh Phạm Thị Huệ (sinh năm 1996 tại huyện Đầm Hà). Thành tích của Phạm Thị Huệ đã giành được 4 huy chương vàng danh giá: 2 huy chương vàng tại Đại hội Thể thao bãi biển Châu Á lần thứ 5 (ABG 5) tổ chức tại Đà Nẵng; 1 huy chương vàng SEA Games 30 nội dung chạy 10.000 m; 1 huy chương vàng Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ XII năm 2018 ở nội dung chạy 10.000 m.

Vận động viên Pencak Silat Nguyễn Thái Linh (sinh năm 1989 tại thành phố Hạ Long). Tại hai kì Đại hội thể thao toàn quốc lần thứ VII năm 2014 và lần thứ VIII năm 2018, Nguyễn Thái Linh đều giành huy chương vàng. Nguyễn Thái Linh đã giành được những huy chương tại đấu trường quốc tế: huy chương vàng vô địch thế giới năm 2015; huy chương bạc vô địch Châu Á 2016; huy chương bạc tại các kì SEA Games 28 năm 2015 và 29 năm 2017; huy chương bạc ASIAD năm 2018.

4. Một số huấn luyện viên tiêu biểu

Huấn luyện viên bóng đá Đoàn Minh Hải (sinh năm 1980 tại Hà Nội) là huấn luyện viên đội bóng đá Than – Khoáng sản Việt Nam, trước đó được tuyển chọn làm huấn luyện viên đội bóng đá nữ Than – Khoáng sản Việt Nam từ năm 2004. Đoàn Minh Hải đã dẫn dắt đội bóng giành 2 lần vô địch quốc gia vào các năm 2007 và 2012. Đội bóng đá nữ U19 Than – Khoáng sản Việt Nam 3 lần đoạt Cúp vô địch quốc gia Giải bóng đá vô địch U19 toàn quốc vào các năm 2015, 2017 và 2021. Đoàn Minh Hải đã có công đào tạo nhiều cầu thủ bóng đá nữ xuất sắc vào đội tuyển quốc gia tham dự và giành huy chương vàng tại các Giải bóng đá nữ SEA Games và ASIAD như Nguyễn Mai Lan, Lê Thị Thương, Nguyễn Thị Vạn,... Với thành tích trong công tác huấn luyện, từ nhiều năm nay, huấn luyện viên Đoàn Minh Hải đã được gọi vào tổ trợ lí huấn luyện viên cho huấn luyện viên trưởng đội tuyển bóng nữ quốc gia ở các giải đấu quốc tế và khu vực.

Huấn luyện viên bơi – lặn Nguyễn Duy Long (sinh năm 1962 tại thành phố Hạ Long) là huấn luyện viên trưởng Đội tuyển Bơi – Lặn Quảng Ninh. Ông đã đào tạo được nhiều vận động viên xuất sắc môn Bơi – Lặn, giành hàng trăm huy chương cá nhân và đồng đội các loại

tại các giải đấu trong nước và quốc tế. Trong số đó có nhiều vận động viên được vào đội tuyển quốc gia và đoạt thành tích xuất sắc như vận động viên môn Lặn. Đó là Nguyễn Thị Kiều Oanh đã giành 2 huy chương vàng đồng đội nữ, phá kỉ lục quốc gia môn Lặn và giành huy chương vàng trong Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc lần thứ VIII; vận động viên Dương Thị Thơm giành 3 huy chương vàng trong Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc và phá 3 kỉ lục quốc gia ở các cự li 50 m, 100 m và 200 m bơi ngửa nữ; vận động viên Ngô Đình Chuyền giành huy chương bạc cá nhân và đồng đội tại SEA Games 30.

Huấn luyện viên bắn cung Đặng Thị Nhân (sinh năm 1980 tại thành phố Cẩm Phả) là huấn luyện viên trưởng Đội tuyển Bắn cung tỉnh Quảng Ninh. Trưởng thành từ vận động viên bắn súng và tham gia công tác huấn luyện môn Bắn cung, ngay từ mùa huấn luyện đầu tiên năm 2012, bắn cung Quảng Ninh đã giành được thành tích đáng quý: đoạt 2 huy chương bạc ở Giải bắn cung Vô địch quốc gia năm 2012 tại Hải Phòng và Giải vô địch bắn cung trẻ toàn quốc năm 2012 tại Sóc Trăng ở nội dung Cung 3 dây đồng đội nam. Tiếp đó, tại Giải bắn cung Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc lần thứ 7 năm 2014, đội Bắn cung Quảng Ninh đã giành được 1 huy chương vàng, 2 huy chương bạc và 1 huy chương đồng. Điều đáng ghi nhận là dưới sự hướng dẫn, huấn luyện và chỉ đạo của Đặng Thị Nhân, nhiều vận động viên đạt thành tích xuất sắc tại các giải đấu trong nước và quốc tế. Hiện Quảng Ninh có 3 vận động viên Châu Kiều Oanh, Lê Phạm Ngọc Anh và Phạm Anh Tú trong đội tuyển quốc gia.

Huấn luyện viên Pencak Silat Dương Bá Cường (sinh năm 1965 tại Hà Nội) là người phát triển phong trào Pencak Silat tại Quảng Ninh từ năm 1996. Qua sự huấn luyện và chỉ đạo, nhiều thế hệ vận động viên môn Pencak Silat đã giành được thành tích cao trong đấu trường thế giới và khu vực như Lê Thị Hằng, Lâm Thị Hương, Nguyễn Thái Linh.

Huấn luyện viên đua thuyền Canoeing Đỗ Văn Hiệu (sinh năm 1982 tại Hải Phòng) là huấn luyện viên môn đua thuyền Canoeing thuộc Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao tỉnh Quảng Ninh. 7 năm liên tiếp (từ 2014 đến 2020) Đỗ Văn Hiệu được bầu chọn là Huấn luyện viên tiêu biểu Vùng mỏ, trong đó 4 năm đứng vị trí thứ nhất. Từ năm 2014 đến năm 2020, đội đua thuyền Quảng Ninh do Đỗ Văn Hiệu làm huấn luyện viên trưởng đã thu được 273 huy chương tại các giải: Vô địch trẻ Đông Nam Á,

Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc, Vô địch quốc gia, Vô địch giải trẻ, Vô địch các câu lạc bộ, Giải đua thuyền Cup Canoeing,...



Hình 8.5. Huấn luyện viên Đỗ Văn Hiệu cùng đội đua thuyền Canoeing nữ Quảng Ninh giành 4 huy chương vàng tại Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ VIII năm 2018 tại Hà Nội



- ① Hãy nêu một số môn thể thao đạt thành tích cao của Quảng Ninh.
- ② Em ấn tượng nhất với vận động viên, huấn luyện viên xuất sắc nào của Quảng Ninh?



5. Lập bảng thống kê các môn thể thao với thành tích tiêu biểu, vận động viên tiêu biểu của tỉnh Quảng Ninh.

STT	Môn thể thao	Thành tích	Vận động viên tiêu biểu
?	?	?	?



6. Kể tên các giải thể thao, các lễ hội văn hoá thể thao ở Quảng Ninh thu hút khách du lịch.

7. Em yêu thích môn thể thao nào? Vì sao?

VĂN HOÁ ỨNG XỬ TRONG TRƯỜNG HỌC Ở QUẢNG NINH

- Liệt kê, giải thích được các biểu hiện của văn hoá ứng xử trong nhà trường ở tỉnh Quảng Ninh.
- Biết thực hành ứng xử văn hoá trong nhà trường.



1. Hãy lựa chọn tên gọi cho các bức tranh sau sao cho phù hợp với nội dung thể hiện.

Nghiêm túc học tập

Bạo lực học đường

Giúp đỡ em học tập

Vui chơi hoà đồng

Chăm sóc cảnh quan trường lớp

Tham gia hoạt động của Đoàn, Đội



1



2



3



4



5



6

2. Điểm chung về không gian và nhân vật trong 6 bức tranh trên là gì?

3. Trong 6 bức tranh trên, em tán thành và không tán thành với những hành động nào? Vì sao?



Trong quá trình nghiên cứu về văn hoá nhà trường, mỗi nhà nghiên cứu có cách tiếp cận khác nhau. Tuy nhiên, cơ bản văn hoá nhà trường là văn hoá tổ chức trong một cơ sở giáo dục với các hệ thống giá trị bao gồm:

- Là một tập hợp các chuẩn mực, các giá trị, niềm tin và hành vi ứng xử...;
- Là những nét đặc trưng riêng biệt, tạo nên sự khác biệt của nhà trường với các tổ chức khác và sự khác biệt giữa trường này với trường khác;
- Văn hoá nhà trường liên quan đến toàn bộ đời sống vật chất, tinh thần của một nhà trường;
- Là những giá trị tốt đẹp được hình thành bởi một tập thể và được mỗi cá nhân trong nhà trường chấp nhận;
- Văn hoá nhà trường tốt hướng tới chuẩn chất lượng cao.

EM CÓ BIẾT

Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã ban hành Kế hoạch 31/KH-UBND ngày 31/01/2019 về việc triển khai thực hiện Đề án “Xây dựng văn hoá ứng xử trong trường học giai đoạn 2018 – 2025” trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh. Sở Giáo dục và Đào tạo cùng các sở, ngành liên quan cũng đã có những chỉ đạo, hoạt động tích cực để thực hiện Đề án này. Năm học 2020 – 2021, 100% các trường học trên địa bàn tỉnh (646 trường trong đó có 222 trường mầm non, 162 trường tiểu học, 136 trường trung học cơ sở, 54 trường tiểu học và trung học cơ sở; 58 trường trung học phổ thông, 14 trung tâm giáo dục thường xuyên) đã hoàn thành Bộ Quy tắc ứng xử trong trường học, trong đó quy định cụ thể những việc nên làm và không nên làm, các mối quan hệ ứng xử thể hiện qua trang phục, ngôn ngữ, hành vi ứng xử trong môi trường học đường.



Văn hoá ứng xử trong nhà trường là gì?

Hiện nay, tại các đơn vị trường học ở Quảng Ninh đã xây dựng hệ thống những quy tắc ứng xử văn hoá riêng phù hợp với địa phương.

1. Ứng xử của cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường

a) Đối với người học

- Chú ý sử dụng ngôn ngữ chuẩn mực, thái độ và hành vi nghiêm túc.
- Luôn thể hiện sự yêu thương, trách nhiệm, bao dung.
- Tôn trọng sự khác biệt, đối xử công bằng, lắng nghe và động viên, khích lệ người học.
- Không xúc phạm, ép buộc, trù dập, bạo hành.

b) Đối với đồng nghiệp

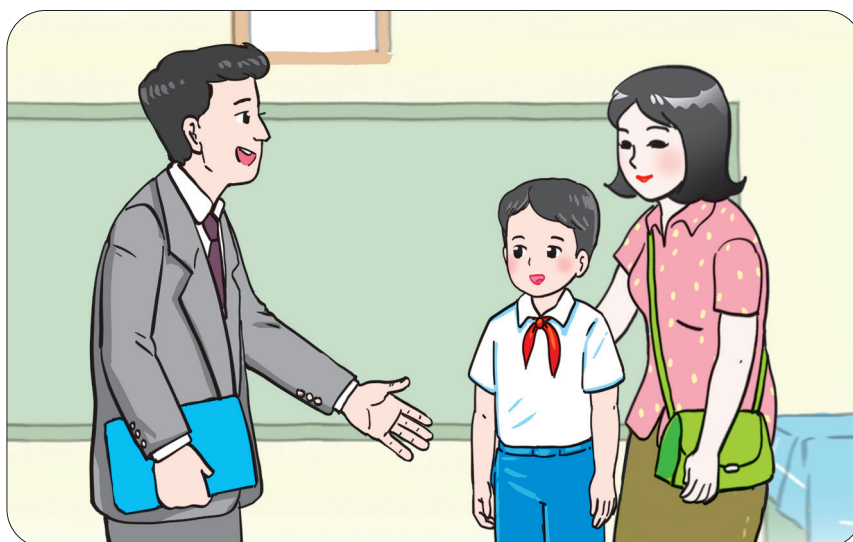
– Trong giao tiếp với đồng nghiệp: ngôn ngữ chuẩn mực, thể hiện sự tôn trọng, khách lễ, động viên; luôn nghiêm túc, gương mẫu, đồng hành cùng đồng nghiệp trong công việc; bảo vệ uy tín, danh dự, nhân phẩm và phát huy năng lực của giáo viên và nhân viên;

– Trong tập thể: luôn đoàn kết, dân chủ, công bằng, minh bạch; không hách dịch, gây khó khăn, xúc phạm, định kiến, thiên vị, vụ lợi, né tránh trách nhiệm hoặc che giấu vi phạm, đổ lỗi.

c) Đối với cha mẹ học sinh và khách đến trường học

– Trong giao tiếp với cha mẹ học sinh: luôn chú ý ngôn ngữ chuẩn mực, thể hiện sự tôn trọng, hỗ trợ, hợp tác, chia sẻ, thân thiện.

– Không xúc phạm, gây khó khăn, phiền hà, vụ lợi.



2. Ứng xử của học sinh

a) Đối với thầy cô giáo, cán bộ và nhân viên nhà trường

– Trong lời nói giao tiếp: luôn thể hiện sự kính trọng, lễ phép. Không bịa đặt thông tin; trung thực trong các thông tin phản hồi; chia sẻ, tâm sự cởi mở cùng thầy cô để hướng tới những điều tốt đẹp.

– Nghiêm túc chấp hành các quy định của trường, lớp.

– Không xúc phạm tinh thần, danh dự, nhân phẩm, bạo lực.



b) Đối với bạn học

- Khi giao tiếp và xung hô cùng bạn học luôn chú ý ngôn ngữ đúng mực, thân thiện.
- Luôn thể hiện sự trung thực, sẵn sàng hợp tác, giúp đỡ và tôn trọng sự khác biệt.
- Không nói tục, chửi bậy, miệt thị, xúc phạm, gây mất đoàn kết.
- Không bịa đặt, lời kéo; không phát tán thông tin để nói xấu, làm ảnh hưởng đến danh dự, nhân phẩm người học khác.

c) Đối với cha mẹ và người thân: kính trọng, lễ phép, trung thực, yêu thương.

d) Đối với khách đến nhà trường: tôn trọng, lễ phép.

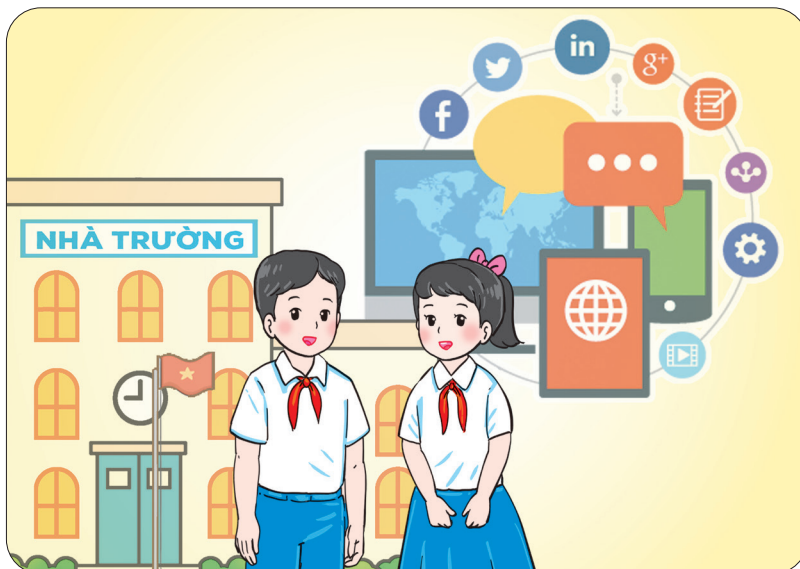


3. Một số nội dung khác trong quy tắc ứng xử văn hoá khác trong nhà trường

Ngoài các nội dung đối với giáo viên, cán bộ, nhân viên và học sinh, bộ Quy tắc ứng xử còn đề cập đến ứng xử của cha mẹ học sinh và khách khi đến làm việc tại các cơ sở giáo dục.

Và đặc biệt với sự phát triển công nghệ thông tin như hiện nay cùng với sự phổ biến của mạng xã hội, các trường học cũng đã có những quy định về ứng xử khi tham gia trên mạng xã hội như:

- Phối hợp chặt chẽ, thường xuyên với các tổ chức, cá nhân trong việc cung cấp, chia sẻ, xử lý thông tin.



– Thường xuyên nắm bắt tình hình, không để bị lôi kéo, dụ dỗ tham gia vào các trang độc hại.

– Có các hành vi, ứng xử phù hợp với những giá trị đạo đức, văn hoá, truyền thống của dân tộc Việt Nam, không sử dụng từ ngữ gây thù hận, kích động bạo lực, phân biệt vùng miền, giới tính, tôn giáo.

– Ngôn ngữ trong sáng, lành mạnh, đảm bảo thuần phong mỹ tục.

– Khuyến khích sử dụng mạng xã hội để tuyên truyền, quảng bá về đất nước – con người, văn hoá tốt đẹp của Việt Nam, chia sẻ thông tin tích cực, những tấm gương người tốt, việc tốt.



① Hãy xác định đúng/ sai cho các nội dung sau:

Nội dung	Đúng	Sai
1. Người thầy phải là tấm gương mẫu mực trong tư duy, ngôn ngữ và hành vi.		
2. Học sinh phải trung thực, cầu tiến, giản dị, khiêm tốn.		
3. Học sinh phải luôn kính trọng, lễ phép, biết ơn thầy cô.		
4. Chia bè phái, kì thị bạn học khuyết tật.		
5. Trốn tránh các hoạt động tập thể do Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh tổ chức.		
6. Giáo viên thường xuyên la mắng, trách phạt học sinh.		
7. Phụ huynh cáu giận, xúc phạm nhân phẩm, danh dự, thân thể của nhà giáo, cán bộ, nhân viên và học sinh nhà trường.		
8. Biết chăm sóc, bảo vệ môi trường để trường, lớp xanh – sạch – đẹp.		
9. Luôn có thái độ nghiêm túc học tập, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.		
10. Nói tục, chửi bậy, chia sẻ những hình ảnh, video phản cảm trên mạng xã hội.		

② Hãy hệ thống lại những biểu hiện của văn hoá ứng xử trong nhà trường dựa theo sơ đồ sau:





4. Cho tình huống:

Trong giờ ra chơi, các bạn lớp 7A đang chơi đùa vui vẻ thì cô Lan (cô giáo tiếng Anh dạy khối 6) đi qua. Mai thấy cô liền đứng nghiêm chào cô: *“Em chào cô ạ!”*. Cô Lan tươi cười gật đầu chào lại Mai. Thanh thấy thế giật giật áo Mai nói nhỏ: *“Sao phải chào, cô ấy có dạy mình đâu?”*

Thực hiện các yêu cầu sau:

- a) Trong tình huống trên em đồng ý với cách ứng xử của bạn nào? Vì sao?
- b) Nếu em là Mai em sẽ khuyên bạn điều gì?
- c) Các em cần làm gì để rèn luyện cách ứng xử có văn hoá trong trường học?

5. Em hãy tìm một số câu ca dao, tục ngữ thể hiện nội dung ứng xử có văn hoá trong nhà trường.



6. Xây dựng một tình huống văn hoá ứng xử trong nhà trường (trình bày rõ nguyên nhân và cách xử lý tình huống).

7. Hãy thiết kế sổ tay văn hoá ứng xử trong nhà trường tỉnh Quảng Ninh. Trang đầu tiên hãy tạo một khẩu hiệu thật thu hút cho sản phẩm của mình.

Chủ đề 2 ĐỊA LÍ ĐỊA PHƯƠNG

10

ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ TỈNH QUẢNG NINH

- Trình bày được đặc điểm dân số (quy mô, gia tăng, cơ cấu), dân tộc, phân bố dân cư của tỉnh.
- Đọc được biểu đồ quy mô dân số. Xác định được trên bản đồ một số đô thị.
- Biết cách sưu tầm tư liệu và viết báo cáo về một trong các đặc điểm dân cư của tỉnh.



Quảng Ninh là tỉnh có nhiều dân tộc sinh sống và định cư lâu đời, bản sắc văn hoá đa dạng. Với quy mô dân số vào loại trung bình ở nước ta và cơ cấu dân số đang có sự thay đổi, đặc điểm dân số đó có ảnh hưởng như thế nào đối với phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh?

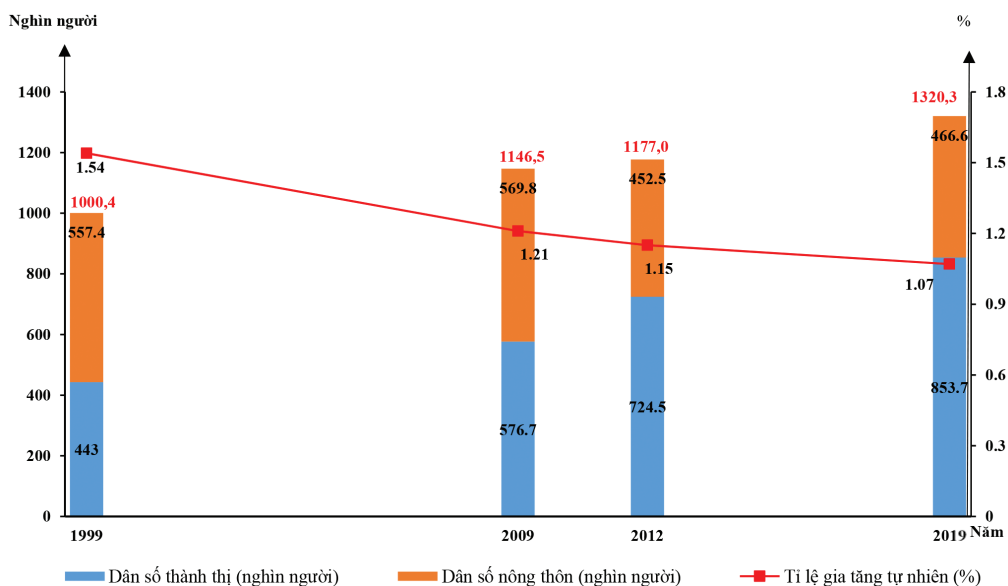


1. Đặc điểm dân số

1.1. Quy mô dân số

Quảng Ninh là tỉnh có quy mô dân số vào loại trung bình ở nước ta, tính đến ngày 01 – 04 – 2019, số dân là 1.320.324 người (chiếm 1,37% số dân toàn quốc, đứng thứ 23 trên 63 tỉnh và thành phố cả nước).

1.2. Gia tăng dân số



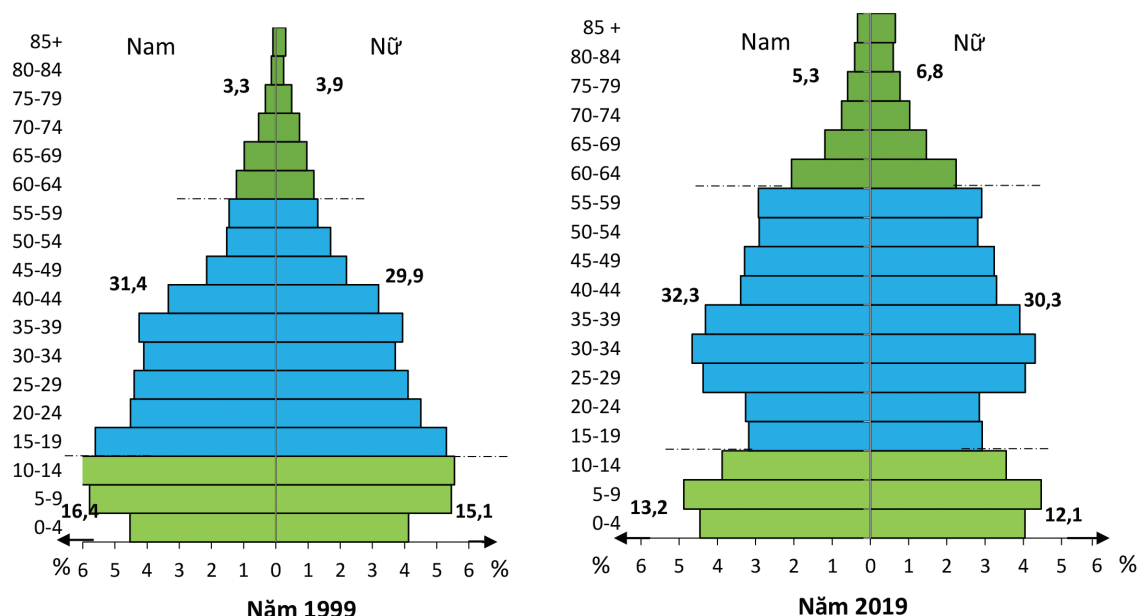
Hình 10.1. Biểu đồ dân số và tỉ lệ gia tăng tự nhiên của Quảng Ninh qua các năm

Dân số Quảng Ninh tăng nhanh theo thời gian, từ năm 1999 đến năm 2019 dân số tăng thêm khoảng 320 nghìn người. Hiện nay, tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của Quảng Ninh có xu hướng giảm. Đây là kết quả của việc thực hiện tốt chính sách dân số kế hoạch hoá gia đình của tỉnh, cũng như phản ánh nhận thức của người dân về dân số ngày càng được nâng cao. Tuy vậy, quy mô dân số của tỉnh vẫn ngày càng tăng.

1.3. Cơ cấu dân số

Cơ cấu dân số theo độ tuổi

Tỉ lệ sinh có xu hướng giảm nhanh và ổn định ở mức thấp, nhưng do dân số tăng cao trong một thời gian dài, tỉ lệ dân nhập cư lớn nên dân số Quảng Ninh vẫn thể hiện rõ đặc điểm cơ cấu dân số trẻ.



Hình 10.2. Tháp dân số Quảng Ninh năm 1999 và năm 2019 (theo giới tính và độ tuổi)

Như vậy, xét về cơ cấu dân số theo nhóm tuổi, tỉ lệ người trong độ tuổi từ 15 – 59 tuổi chiếm tỉ lệ lớn nhất. Đây nguồn lao động dồi dào để phát triển kinh tế, là điều kiện thuận lợi cho học tập, tiếp thu kiến thức, khoa học công nghệ cũng như linh hoạt trong chuyển đổi nghề của lực lượng lao động.

Hiện nay, dân số của Quảng Ninh đang bước vào giai đoạn già hoá dân số với tốc độ tương đối nhanh. Điều đó gây khó khăn cho ngân sách an sinh xã hội, đồng thời đặt ra nhiều vấn đề cần giải quyết như: số dân phụ thuộc cao, giáo dục, y tế và giải quyết việc làm cho người lao động.

Cơ cấu dân số theo giới tính

Bảng 10.1. Cơ cấu dân số phân theo giới tính của Quảng Ninh từ năm 2010 – 2019 (đơn vị: %)

Năm	2010	2015	2017	2019
Nam	51,03	50,93	50,89	50,86
Nữ	48,97	49,07	49,11	49,14

Cơ cấu dân số theo giới tính của Quảng Ninh chịu ảnh hưởng mạnh của hiện tượng chuyển cư. Với đặc điểm là địa phương có ngành công nghiệp khai thác than phát triển nên cơ cấu dân số phân theo giới tính của Quảng Ninh có tỉ lệ dân số nam lớn hơn nữ liên tục trong nhiều năm.



Hình 10.3. Tỉ số giới tính khi sinh của Quảng Ninh qua các năm

Tình trạng mất cân bằng giới tính kéo dài gây ảnh hưởng lớn công tác dân số kế hoạch hoá gia đình, phát triển kinh tế – xã hội của địa phương. Vì vậy, trong những năm qua tỉnh đã triển khai và thực hiện nhiều biện pháp nhằm giảm tình trạng này.



Hình 10.4. Tuyên truyền về chăm sóc sức khỏe sinh sản và mất cân bằng giới tính



① Dựa vào hình 10.1, em hãy:

- Nhận xét sự thay đổi về dân số và tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của Quảng Ninh qua các năm.
- Giải thích vì sao tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên giảm nhưng số dân Quảng Ninh vẫn tăng.

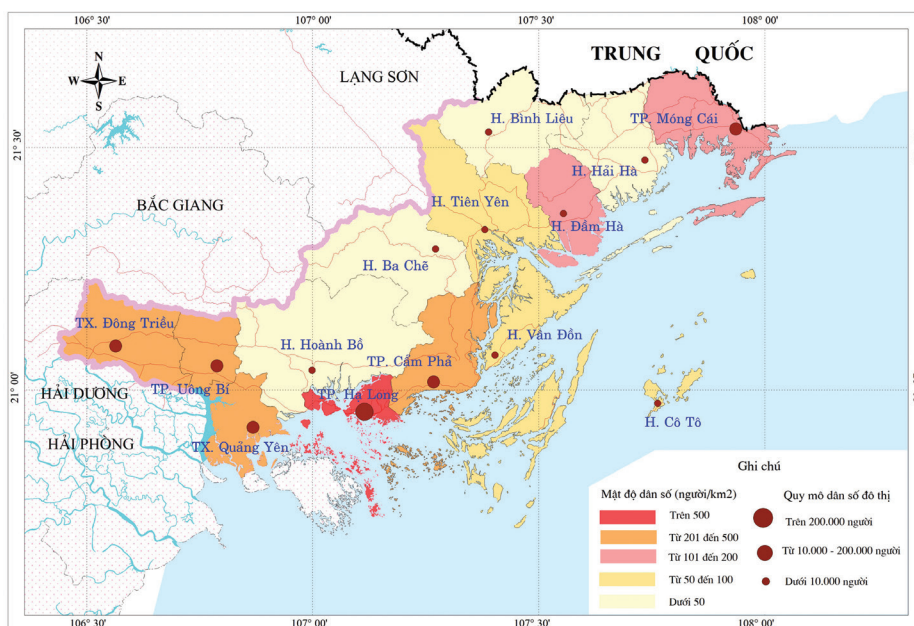
② Dựa vào hình 10.2, em hãy:

- Tính tỉ lệ dân số theo từng nhóm tuổi năm 1999 và năm 2019 của Quảng Ninh. Rút ra nhận xét về sự thay đổi cơ cấu dân số theo nhóm tuổi.
- Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi có những thuận lợi và khó khăn gì đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của Quảng Ninh?

2. Phân bố dân cư và các loại hình quần cư

2.1. Phân bố dân cư

Cùng với sự gia tăng dân số, mật độ dân số của Quảng Ninh ngày càng tăng, từ 188 người/km² (năm 2009), lên 214 người/km² (năm 2019). Như vậy, sau 10 năm mật độ dân số tỉnh Quảng Ninh tăng thêm 26 người/km², nhưng vẫn thấp hơn mật độ dân số trung bình cả nước (290 người/km²).



Hình 10.5. Lược đồ phân bố dân cư và đô thị tỉnh Quảng Ninh năm 2019⁽⁵⁾

(5) Ngày 01 – 01 – 2020, huyện Hoành Bồ sáp nhập vào thành phố Hạ Long.

Trong phân bố dân cư cũng có sự lệch giữa thành thị và nông thôn. Năm 2019, dân cư Quảng Ninh sống ở thành thị là 853,6 nghìn người, tương ứng 64,4%, khu vực nông thôn là 471,2 nghìn người, tương ứng 35,6%.

2.2. Các loại hình quần cư

Quần cư nông thôn

Cộng đồng dân cư nông thôn tỉnh Quảng Ninh đã được xuất hiện từ rất sớm, đến nay đã hình thành khu quần cư là các làng, bản, thôn, xóm. Cộng đồng dân cư nông thôn chủ yếu tập trung sinh sống ở hai vùng chính, đó là vùng đồng bằng ven biển và vùng đồi núi. Do đặc điểm sản xuất của vùng nông thôn nên việc phát triển mở rộng cộng đồng khu dân cư nông thôn thường gắn chặt với đặc điểm điều kiện tự nhiên của từng địa phương.

Hiện nay, cuộc sống của dân cư nông thôn đã được cải thiện rõ rệt do những thay đổi theo hướng tích cực từ Chương trình 135, Đề án 196 và các chương trình phát triển nông thôn mới của tỉnh Quảng Ninh.



Hình 10.6. Làng kiểu mẫu nông thôn mới ở Đông Triều

Quần cư thành thị

Các đô thị của Quảng Ninh phát triển từ rất sớm. Hiện nay, cùng với sự phát triển kinh tế, các hoạt động thu hút đầu tư đã làm thay đổi diện mạo các đô thị, tạo nhiều khu dân cư, khu đô thị mới, khu du lịch hiện đại, khu công nghiệp.



Hình 10.7. Khu đô thị Bến Đoàn thành phố Hạ Long được xây dựng hiện đại

3. Cộng đồng các dân tộc ở Quảng Ninh

3.1. Các dân tộc ở Quảng Ninh

Quảng Ninh là tỉnh có nhiều thành phần dân tộc cư trú, sinh sống lâu đời. Theo kết quả điều tra dân số năm 2019, Quảng Ninh có 43 dân tộc.

Trong các dân tộc ở Quảng Ninh, dân tộc Kinh có số dân đông nhất, chiếm 87,7% dân số. Đây là dân tộc có nhiều kinh nghiệm trong thâm canh lúa nước, các nghề thủ công truyền thống đạt mức tinh xảo. Người Kinh là lực lượng đông đảo, giữ vai trò quan trọng trong các ngành công nghiệp, dịch vụ, khoa học kĩ thuật.

Các dân tộc thiểu số năm 2019, chiếm 12,3% dân số, trong đó các dân tộc ít người có dân số đông trên 10 nghìn người như: Dao, Tày, Sán Dìu và Sán Chay. Các dân tộc ít người chủ yếu hoạt động sản xuất nông nghiệp, có nhiều kinh nghiệm trong trồng lúa trên ruộng bậc thang, trồng rừng, trồng cây công nghiệp và chăn nuôi gia súc. Một số dân tộc có những ngành nghề thủ công phát triển với nền văn hoá đặc sắc như: nghề dệt thổ cẩm của người Tày, nghề đan, nấu rượu bầu men lá của người Dao Thanh Y (xã Bằng Cả – Hạ Long),...



Hình 10.8. Nghề trồng lúa nước trên ruộng bậc thang của dân tộc Dao Thanh Phán ở huyện Tiên Yên



Hình 10.9. Sản xuất gạch tại nhà máy ngói Tiêu Giao — Hạ Long

3.2. Sự phân bố các dân tộc

Trải qua các thời kì lịch sử, người Kinh từ đồng bằng Bắc Bộ và từ ven biển vùng Bắc Trung Bộ đã di cư tới Quảng Ninh. Người Kinh phân bố rộng khắp trong toàn tỉnh nhưng thường sống tập trung ở đồng bằng ven biển, các thị trấn, thị xã, thành phố hay dọc quốc lộ, ven sông hoặc ở trong và ngoại vi các thị trấn, thị xã.



Hình 10.10. Thị xã Đông Triều

Các dân tộc thiểu số ở Quảng Ninh phân bố và cư trú trên khắp 13 huyện, thị xã, thành phố của tỉnh, nhưng cư trú tập trung chủ yếu ở các huyện miền núi như Bình Liêu 95,8%,

Tiên Yên 47,2%,... thành các cộng đồng ngôn ngữ và xây dựng các bản sắc văn hoá độc đáo riêng.



Hình 10.11. Một góc xã Lục Hồn – Bình Liêu

Sự đa dạng về các thành phần dân tộc của tỉnh đã góp phần tạo nên một nền văn hoá đa dạng và giàu bản sắc. Các dân tộc đã tích lũy và phát huy những kinh nghiệm sản xuất, các ngành nghề thủ công truyền thống, đó là cơ hội để tỉnh Quảng Ninh khai thác các lợi thế trong phát triển kinh tế của tỉnh.

Tuy nhiên, ở tỉnh Quảng Ninh đa phần các dân tộc thiểu số ở vùng cao có mức sống và thu nhập chênh lệch khá lớn so với người dân vùng đồng bằng, đô thị của tỉnh. Việc thu hút doanh nghiệp đầu tư vào địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn. Bản sắc văn hoá, truyền thống tốt đẹp của một số dân tộc có nguy cơ bị mai một.



- ① Em thuộc dân tộc nào trong 43 dân tộc ở Quảng Ninh? Hãy kể một số nét văn hoá đặc sắc của dân tộc em.
- ② Sự đa dạng về các thành phần dân tộc tạo những thuận lợi và khó khăn gì đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh?
- ③ Quan sát hình 10.10, 10.11 và kết hợp thông tin trong sách giáo khoa, em hãy nêu sự khác nhau về địa bàn cư trú và hoạt động kinh tế các dân tộc ở Quảng Ninh.

3.3. Đô thị hoá

Cơ cấu dân số phân theo thành thị và nông thôn của Quảng Ninh đặc trưng cho một tỉnh đang trong quá trình công nghiệp hoá và đô thị hoá. Số dân và tỉ lệ dân số ở các đô thị của Quảng Ninh cao hơn mức trung bình của cả nước và tăng nhanh, liên tục qua các năm (tỉ lệ dân cư thành thị của cả nước 2019 là 34,4%).

Quá trình đô thị hoá còn thể hiện ở việc mở rộng quy mô và tăng về số lượng các đô thị. Hiện nay, Quảng Ninh là tỉnh có nhiều thành phố nhất cả nước với 4 thành phố trực thuộc tỉnh, có quy mô dân số khác nhau.



- ① Dựa vào hình 10.5, em hãy xác định các địa phương có mật độ dân số trên 200 người/km², mật độ dân số dưới 50 người/km². Giải thích vì sao?
- ② Dựa vào hình 10.6, 10.7 và thông tin trong sách giáo khoa em hãy nêu sự khác biệt cơ bản (mật độ dân số, hoạt động kinh tế chủ yếu) giữa quần cư nông thôn và quần cư thành thị ở Quảng Ninh.
- ③ Dựa vào lược đồ hình 10.5, em hãy xác định các đô thị có quy mô dân số trên 10.000 người. Nhận xét sự phân bố các đô thị hiện nay ở Quảng Ninh.



4. Cơ cấu dân số Quảng Ninh có những thuận lợi và khó khăn gì đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh?

5. Địa phương em đang sống thuộc loại hình quần cư nào? Em hãy nêu những thay đổi của loại hình quần cư đó hiện nay?



Tìm hiểu đặc điểm dân số ở địa phương nơi em đang sống.

Hãy lựa chọn một trong hai bài tập sau:

6. Em hãy thu thập thông tin để viết một báo cáo ngắn khoảng 20 dòng hoặc thiết kế một bản đồ hoạ thông tin – infographic theo gợi ý sau:

- Nêu thực trạng chênh lệch giới tính hiện nay ở Quảng Ninh.
- Hậu quả của chênh lệch giới tính đến phát triển kinh tế – xã hội.
- Các giải pháp hạn chế mất cân bằng giới tính.

7. Giả sử em là một "Đại sứ du lịch", em hãy viết một bài giới thiệu cho bạn bè trong nước và quốc tế những nét đặc trưng về con người, văn hoá của Quảng Ninh.

Chủ đề 3 CHÍNH TRỊ – XÃ HỘI

11 PHÒNG CHỐNG BẠO LỰC HỌC ĐƯỜNG VÀ TỆ NẠN XÃ HỘI ĐỐI VỚI HỌC SINH TỈNH QUẢNG NINH

- Giải thích được thế nào là bạo lực học đường và tệ nạn xã hội; nhận diện các loại bạo lực học đường và tệ nạn xã hội ở Quảng Ninh.
- Biết thực hành ứng phó với các tình huống bạo lực học đường và tệ nạn xã hội.



Trong các hình dưới đây, hình nào thể hiện hành vi bạo lực học đường, hình nào thể hiện hành vi tệ nạn xã hội? Em hãy mô tả những hành vi đó và rút ra bài học cho bản thân?



Hình 11.1



Hình 11.2



1. Bạo lực học đường, hành vi bạo lực học đường

1.1. Bạo lực học đường

Bạo lực học đường là hành vi hành hạ, ngược đãi, đánh đập; xâm hại thân thể, sức khỏe; lăng mạ, xúc phạm danh dự, nhân phẩm; cô lập, xua đuổi và các hành vi cố ý khác như: đe dọa, trêu chọc, phân biệt tôn giáo, chủng tộc, giới tính, ngoại hình, năng lực cá nhân,... gây tổn hại về thể chất, tinh thần của người học, xảy ra trong cơ sở giáo dục hoặc lớp độc lập.

Tỉnh Quảng Ninh đã xảy ra một số vụ bạo lực học đường làm ảnh hưởng tới thể chất, tinh thần học sinh, ảnh hưởng tới văn hoá, đạo đức tại các cơ sở giáo dục, đào tạo, gây lo lắng, bức xúc trong dư luận xã hội.

1.2. Các hành vi bạo lực học đường ở Quảng Ninh

Hành vi	Biểu hiện hành vi
Hành hạ, ngược đãi, đánh đập	Đá, tát, đẩy ngã; giam giữ; đe dọa; bắt nhin đói; ép ăn, uống đồ bẩn; ép sử dụng ma túy,...
Xâm hại thân thể, sức khỏe	Cưỡng hiếp, tấn công tình dục; trừng phạt thân thể, cắt tóc,...
Xúc phạm danh dự, nhân phẩm	Bịa đặt tin đồn; đặt biệt danh có tính xúc phạm; lột xé quần áo; đưa hình ảnh riêng tư lên mạng xã hội khi chưa được phép,...
Xua đuổi và hành vi cố ý khác	Trù dập; cổ vũ bạo lực; kì thị; phân biệt giới; phân biệt đối xử; miệt thị dân tộc; miệt thị người khuyết tật; đe dọa; trêu chọc,...

Các hành vi trên xảy ra trong nhà trường với các mối quan hệ:

- Học sinh với học sinh
- Giáo viên với học sinh
- Người từ ngoài nhà trường với học sinh và giáo viên.



- ① Bạo lực học đường gồm những hành vi nào?
- ② Kể tên một số hành vi bạo lực học đường nào ở Quảng Ninh mà em từng chứng kiến.
- ③ Học sinh với học sinh thường xảy ra hành vi bạo lực nào trong học đường?

2. Tệ nạn xã hội

Tệ nạn xã hội là hiện tượng xã hội bao gồm những hành vi sai lệch chuẩn mực xã hội, vi phạm đạo đức, có dấu hiệu vi phạm pháp luật, gây hậu quả nghiêm trọng trong đời sống cộng đồng. Tệ nạn xã hội bao gồm các loại tệ nạn ma túy, mại dâm, cờ bạc,...

Quảng Ninh là tỉnh biên giới, một trong những trung tâm kinh tế – du lịch lớn của cả nước với nhiều cơ sở kinh doanh dịch vụ dễ phát sinh tệ nạn xã hội, có nguy cơ phát sinh tệ nạn xã hội trong các nhà trường.

2.1. Tệ nạn ma túy

Tệ nạn ma túy là tình trạng nghiện ma túy, tội phạm về ma túy và các hành vi trái phép khác về ma túy.

Ma túy là chất có nguồn gốc tự nhiên, bán tổng hợp, hay tổng hợp, khi xâm nhập vào cơ thể sẽ làm thay đổi trạng thái sinh lí của người sử dụng. Người nghiện ma túy nếu không được phát hiện sớm để có biện pháp can thiệp kịp thời có thể gây hậu quả tiêu cực đến suốt cuộc đời.

Một số loại ma túy phổ biến ở Việt Nam:

* Các chất ma túy nhóm an thần:

Thuốc phiện (á phiện, nha phiện) được chiết xuất từ quả cây thuốc phiện (cây anh túc); đóng gói dưới dạng đặc, dẻo, có màu nâu đen.

Heroin là chất gây nghiện bán tổng hợp chiết xuất từ nhựa quả cây thuốc phiện, dạng bột màu trắng, là loại ma túy mạnh.



Hình 11.3. Một số loại ma túy: heroin (1), ma túy đá (2), thuốc lắc (3), cần sa tổng hợp (4), “tem giấy” (5), “nước vui” (6)

* Các chất ma túy gây kích thích:

Methamphetamine (ma túy đá) có dạng tinh thể, óng ánh như hạt bột ngọt hay muối hạt, là loại ma túy nguy hiểm bậc nhất.

Thuốc lắc (Ecstasy) là chất ma túy tổng hợp, vừa kích thích vừa gây ảo giác về thính giác, thị giác. Người “phê” thuốc thường thích nghe các loại nhạc công suất lớn, nhảy nhót, la hét, quậy phá, mất kiểm soát bản thân.

Ketamine là loại ma túy có tác dụng gây mê, giảm đau và gây mất trí nhớ ngắn hạn, gây hoang tưởng rất mạnh.

* Các chất ma túy gây ảo giác:

Cần sa còn được gọi là gai dầu, lanh mè, đại ma, “cỏ”, bồ đề hay “thuốc dù”, dùng lá, hoa, nụ khô thái nhỏ vè thành miếng. Cần sa tác động lên hệ thần kinh trung ương gây ra những ảo giác rất nguy hiểm, có thể chém giết người khác, tự cắt rạch da mình hoặc dẫn đến tự tử.

Lá khát hay còn gọi là lá thiên đường, là loại ma túy mạnh gấp 500 lần cần sa và sẽ gây tử vong đột ngột nếu sử dụng liên tục.

Cỏ Mỹ (cần sa tổng hợp) là loại hỗn hợp thảo mộc khô, được pha tẩm với chất toả mùi thơm và các hoá chất tổng hợp độc hại, có thể mạnh hơn cần sa đến 1000 lần, gây đau đầu, gây tê liệt chức năng não, làm mất nhận thức, nặng hơn là làm bộ não chết hẳn, đưa đến trạng thái hôn mê trong vài phút sau khi hút.

Loại ma túy biến tướng: “Tem giấy” hay “bùa lưỡi” là miếng giấy (kích thước 1,5 x 1,5 cm) in hình ngộ nghĩnh, được tẩm chất gây ảo giác. “Nước vui” là chất lỏng màu nâu kem, màu xanh (thành phần chủ yếu Methamphetamine) đựng trong lọ nhỏ thường dùng hoà chung với nước giải khát. “Trà sữa” dạng bột màu xám hoặc màu vàng đóng gói với nhiều mẫu mã khác nhau, bên ngoài in chữ Trung Quốc và chữ tiếng Anh. Cả “nước vui” và “trà sữa” đều gây kích thích thần kinh trung ương, gây ảo giác, mất kiểm soát về hành vi. Cần sa đang len lỏi vào học đường dưới dạng kẹo viên, đồ ăn vặt,...



Hình 11.4. Vỏ một loại kẹo không rõ nguồn gốc khiến 13 học sinh lớp 10

Trường THPT Hoàng Bồ (thành phố Hạ Long) bị ngộ độc nhập viện ngày 25 – 10 – 2021

2.2. Tệ nạn mại dâm

Tệ nạn mại dâm là hiện tượng xã hội, biểu hiện tình trạng các cá nhân dùng các dịch vụ tình dục ngoài hôn nhân, lấy tiền bạc, lợi ích vật chất hay các lợi ích khác để trao đổi với nhau, nhằm thoả mãn nhu cầu tình dục (đối với người mua dâm) hoặc nhu cầu về tiền bạc, lợi ích vật chất (đối với người bán dâm).

Tệ nạn mại dâm gây ra tác hại nhiều mặt đối với xã hội, đối với danh dự, nhân phẩm, sức khoẻ con người; ảnh hưởng đến vấn đề bình đẳng giới, đến chiến lược phát triển con người ở Việt Nam. Tệ nạn mại dâm sẽ dẫn đến những hiểm hoạ: lây bệnh qua đường tình dục, nhất là nhiễm HIV/ AIDS, bị bóc lột tình dục, mua bán người.

2.3. Tệ nạn cờ bạc

Tệ nạn cờ bạc là hiện tượng xã hội trái pháp luật, biểu hiện trình trạng các cá nhân tổ chức tham gia các trò chơi cờ bạc dưới mọi hình thức, gây ra những hậu quả xấu, tác động tiêu cực tới trật tự, kỉ cương, an toàn xã hội.

2.4. Các tệ nạn xã hội khác

Hủ tục tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống; đua xe trái phép; nghiện chơi game online; say rượu và nghiện rượu;...



- ① Kể tên các loại tệ nạn xã hội mà em biết?
- ② Em đã được tuyên truyền về tác hại của những loại ma túy nào?

3. Phòng chống, ứng phó với các tình huống bạo lực học đường và tệ nạn xã hội

3.1. Phòng chống, ứng phó với các tình huống bạo lực học đường

Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh đã ban hành Kế hoạch số 743/KH-SGDĐT, ngày 22 – 3 – 2021, thực hiện công tác phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em; tuyên truyền, phòng ngừa về tội phạm ma túy, tác hại của tệ nạn ma túy và phòng chống tệ nạn xã hội trong ngành Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2021 – 2025.

Xây dựng và thực hiện các phong trào “Trường học thân thiện, học sinh tích cực”, “Nói không với bạo lực học đường”, xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện; phòng chống bạo lực học đường.

Gia đình và nhà trường có trách nhiệm phát hiện, thông báo, tố giác hành vi bạo lực học đường; ngăn ngừa và can thiệp kịp thời đối với các hành vi bạo lực học đường.

Một số tình huống bạo lực học đường:

Tình huống bạo lực học đường	Học sinh cần ứng xử
Bị đánh	Báo với giáo viên chủ nhiệm lớp, thông tin qua kênh tiếp nhận thông tin về bạo lực học đường của nhà trường, không gọi người để trả thù.
Khi bị xúc phạm đến thân thể (bị tấn công tình dục)	Mạnh dạn chia sẻ với người thân, giáo viên chủ nhiệm lớp.
Khi bị bạn đặt điều trên mạng xã hội	Báo với giáo viên chủ nhiệm lớp, thông tin qua kênh tiếp nhận thông tin về bạo lực học đường của nhà trường về vụ việc, không tranh luận trên mạng.

Tình huống bạo lực học đường	Học sinh cần ứng xử
Khi bị bạn cố tình lấy, hoặc huỷ hoại đồ dùng	Không chửi hoặc đánh bạn, báo với giáo viên chủ nhiệm lớp, thông tin qua kênh tiếp nhận thông tin về bạo lực học đường của nhà trường.
Khi bị đe dọa (doạ đánh, dọa nói xấu trên mạng,...)	Không thách thức lại, ôn hoà giải thích, nếu vẫn bị đe dọa thì báo với giáo viên chủ nhiệm lớp, người thân, thông tin qua kênh tiếp nhận thông tin về bạo lực học đường của nhà trường.
Thấy bạn bị đánh	Can ngăn (có thể nói: Ở đây có camera, các bạn đánh nhau nhà trường sẽ biết), tìm cách nhanh nhất báo cho người trợ giúp (thầy cô, người lớn có khả năng giúp).
Khi thấy bạn có biểu hiện khác thường	Tâm sự, lắng nghe, chia sẻ với bạn. Nếu thấy bạn bị bạo lực khó nói ra thì động viên bạn, đồng thời báo với giáo viên chủ nhiệm lớp, thông tin qua kênh tiếp nhận thông tin về bạo lực học đường của nhà trường.
Phát hiện hành vi nguy cơ bạo lực học đường	Ghi nhận bằng chứng (nếu có thể), báo với giáo viên chủ nhiệm lớp, thông tin qua kênh tiếp nhận thông tin về bạo lực học đường của nhà trường.

3.2. Phòng chống, ứng phó với các tình huống tệ nạn xã hội

Chủ động tìm hiểu tác hại của các loại tệ nạn xã hội. Kí cam kết và thực hiện không liên quan đến các tệ nạn xã hội.

Tham gia tích cực các hoạt động phòng chống các tệ nạn xã hội như tuyên truyền, vẽ tranh cổ động, áp phích,...

Tham gia học tập ngoại khoá về phòng chống các tệ nạn xã hội do nhà trường tổ chức.

Không ăn, uống, hút, hít ngửi, bôi lên da,... những đồ ăn, đồ uống hay mỹ phẩm, thuốc không rõ nguồn gốc.

Khi phát hiện hoạt động tệ nạn xã hội, biểu hiện bạn học mắc nghiện ma túy thì báo với giáo viên chủ nhiệm lớp, thông tin qua kênh tiếp nhận thông tin về tệ nạn xã hội của nhà trường, cơ quan chức năng.

Biểu hiện của học sinh nghiện ma túy:

- Trong cặp sách hoặc túi quần áo thường có bột lửa, kẹo cao su, giấy bạc.
- Thường xuyên xin ra ngoài đi vệ sinh trong thời gian học tập.
- Năng lực học tập giảm sút.
- Hay bị ngáp vặt, ngủ gật, toát mồ hôi,...
- Thường xuyên vay tiền bạn, xin tiền bố mẹ.
- Thường tụ tập ở nơi hẻo lánh.



- ① Đưa ra tình huống bạo lực học đường và việc ứng xử.
- ② Những biện pháp để tránh xa tệ nạn xã hội?



4. Trong vai tuyên truyền viên về phòng chống bạo lực học đường, tệ nạn xã hội, em hãy nêu cách ứng phó với các tình huống bạo lực học đường và tệ nạn xã hội.

5. Trước giờ vào lớp, tại phòng học lớp 7 xảy ra xô xát giữa 2 bạn học sinh. Trong tình huống ấy, em sẽ hành động như thế nào?

- Không can ngăn.
- Can ngăn, thuyết phục các bạn dừng lại.
- Can ngăn, tìm cách báo ngay với thầy, cô giáo.

6. Đóng vai, xử lý tình huống khi bị bạn học rủ rê dùng ma túy, em sẽ làm gì?

- Kiên quyết từ chối và khuyên bạn không nên dùng.
- Báo với giáo viên chủ nhiệm.



7. Vẽ tranh về phòng chống ma túy và các tệ nạn xã hội.

8. Suu tầm ca dao về tác hại của cờ bạc, ma túy.

9. Tìm hiểu trên báo điện tử các vụ bạo lực học đường trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, qua đó nêu ý kiến của mình trước vụ việc.

Chủ đề 4 MÔI TRƯỜNG

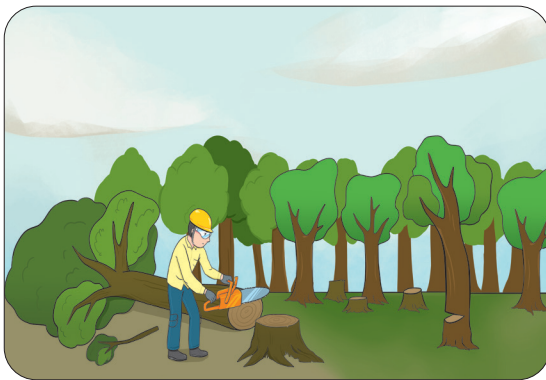
12

TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT VÀ DỊCH VỤ Ở QUẢNG NINH

- Tìm hiểu thực trạng môi trường trong các hoạt động sản xuất và dịch vụ của tỉnh và địa phương nơi học sinh sống.
- Biết được một số định hướng chính của tỉnh Quảng Ninh về bảo vệ môi trường.
- Đề xuất một số biện pháp phòng chống ô nhiễm môi trường từ hoạt động sản xuất và dịch vụ của tỉnh Quảng Ninh.



Kể tên một số hoạt động của con người có tác động tích cực hoặc tiêu cực đối với môi trường trong các hình dưới đây. Giải thích vì sao.





1. Thực trạng môi trường trong một số hoạt động sản xuất và dịch vụ ở Quảng Ninh

1.1. Hoạt động khai thác, chế biến, tiêu thụ than

Các mỏ khai thác than tại Quảng Ninh thải ra hàng chục triệu mét khối nước thải mỏ hàng năm. Nước thải mỏ than hầm lò có tính axit, chứa hàm lượng chất rắn lơ lửng và các chất ô nhiễm như các kim loại nặng độc hại, ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt của người dân xung quanh, đồng thời chảy ra vịnh gây ô nhiễm môi trường nước, ảnh hưởng đến các sinh vật sống ở vịnh.

Mặt khác, hoạt động khai thác than mỗi năm đổ thải khoảng từ 250 – 300 triệu mét khối đất đá tại các mỏ lộ thiên. Khi các mỏ lộ thiên ngày càng đào sâu khai thác, lượng đất đá này cũng ngày càng tăng lên. Những bãi đổ thải này tiềm ẩn nguy cơ sạt lở đất đá, bùn đất tràn vào nơi sinh sống của các hộ dân dưới chân bãi thải khi trời mưa. Việc vận chuyển than bằng ô tô trên các đường quốc lộ và đường sắt gây phát tán bụi than, cùng với bụi từ các bãi đổ thải khi khai thác than gây ô nhiễm không khí.



Hình 12.1. Bãi thải mỏ Bàng Nâu (thành phố Cẩm Phả)

1.2. Hoạt động nuôi trồng thủy hải sản

Tỉnh Quảng Ninh có 250 km đường bờ biển với trên 6.100 km² mặt biển, 40.000 ha bãi triều và trên 20.000 ha eo vịnh. Đây là điều kiện tạo nên sự phong phú, đa dạng các loài thủy sản có giá trị kinh tế cao giúp cho ngành thủy sản trở thành ngành kinh tế mũi

nhọn của tỉnh Quảng Ninh. Năm 2021, sản lượng thuỷ sản đạt gần 150.000 tấn, giá trị sản xuất đạt hơn 13.000 tỉ đồng, chiếm 52,5% giá trị của toàn ngành nông nghiệp. Diện tích nuôi trồng thuỷ sản đạt 21.300 ha; thả nuôi khoảng 5,42 tỉ con giống các loại. Tuy nhiên, sự phát triển này cũng kéo theo những tác động tiêu cực đến môi trường.

Đối với các lồng nuôi thuỷ sản công nghiệp, chất thải trong quá trình nuôi có chứa một số chất độc hại cùng lượng thức ăn dư thừa gây ô nhiễm môi trường nước, tạo điều kiện thuận lợi để tảo độc phát triển. Ngoài ra, vật liệu phao xốp ở các khu nuôi trồng thuỷ sản tập trung cũng là một trong những yếu tố gây ô nhiễm môi trường, bởi đặc tính không phân huỷ, dễ phân tán, vỡ hỏng.

Theo Ban quản lí vịnh Hạ Long, trong 6 tháng đầu năm 2020, số lượng rác thải trôi nổi ở vịnh Hạ Long đã được thu gom và xử lí là 150 tấn. Nếu không có giải pháp hữu hiệu để thay thế phao xốp hoặc gia cố phao xốp sẽ gây ô nhiễm môi trường ngày càng trầm trọng.



Hình 12.2. Vật liệu phao xốp trong nuôi trồng thuỷ sản ở Vịnh Bái Tử Long

1.3. Hoạt động du lịch, dịch vụ

Sự phát triển của du lịch ở Quảng Ninh đã thúc đẩy nhanh tốc độ đô thị hoá nông thôn. Việc mở rộng đô thị tại thành phố Hạ Long, thành phố Cẩm Phả và một số địa phương, cùng với hoạt động kinh doanh du lịch và một số hoạt động kinh doanh khác đã gây ra những hậu quả nghiêm trọng. Việc mở rộng đô thị làm suy giảm diện tích rừng ngập mặn, tăng nguy cơ xói mòn đường bờ biển, dồn rác và chất thải rắn ra vùng vịnh Hạ Long trong mùa mưa lũ. Điều này gây những sức ép không nhỏ về môi trường đối với việc bảo tồn di sản – kì quan vịnh Hạ Long.

Sự phát triển du lịch quá nhanh gây ô nhiễm môi trường nước. Hệ thống khách sạn, nhà hàng, các điểm vui chơi giải trí,... tăng nhanh để phục vụ du khách. Một số đơn vị kinh doanh, khu nghỉ dưỡng ven biển, khách sạn,... không quan tâm đến hệ thống xử lý chất thải hoặc chưa có hệ thống xử lý chất thải và nước thải chuyên nghiệp, dẫn đến việc nước thải chưa qua xử lý xả trực tiếp ra biển.

Sự gia tăng số lượng khách du lịch kéo theo lượng chất thải từ hoạt động du lịch (rác thải sinh hoạt, rác ni-lon, đồ nhựa dùng một lần,...) ngày một tăng nhanh. Một số du khách ý thức kém, xả rác bừa bãi, gây ô nhiễm môi trường tự nhiên và gây mất mỹ quan, cảnh quan khu vực.

EM CÓ BIẾT

Thành phố Cẩm Phả có tới 4 nhà máy nhiệt điện than. Việc đốt than để sản xuất điện tạo ra lượng tro xỉ lớn. Thời gian qua, các bãi chứa tro xỉ của hầu hết các nhà máy nhiệt điện đang dần quá tải. Bụi không chỉ xuất phát từ các bãi tro xỉ mà còn thoát ra từ hệ thống ống khói của các nhà máy nhiệt điện gây ô nhiễm môi trường không khí. Hiện nay, tất cả các nhà máy nhiệt điện ở Quảng Ninh đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động khí thải – bụi.



Liệt kê thực trạng môi trường bị tác động bởi một số hoạt động sản xuất và dịch vụ ở Quảng Ninh theo gợi ý sau:

STT	Hoạt động sản xuất và dịch vụ	Tác động với môi trường

2. Một số biện pháp phòng chống ô nhiễm môi trường từ hoạt động sản xuất và dịch vụ ở Quảng Ninh

2.1. Phòng chống ô nhiễm môi trường từ hoạt động khai thác than

Để chống ô nhiễm môi trường trong hoạt động sản xuất, khai thác than, ngành Than đã có nhiều biện pháp:

– Đầu tư nhiều trạm xử lý nước thải mở đảm bảo quy chuẩn môi trường, lắp đặt hệ thống quan trắc môi trường tự động kiểm soát tốt lưu lượng, chất lượng nước thải mở, truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương để quản lý. Nước thải các mỏ than sau xử lý một phần được tái sử dụng cho sản xuất (phun chống bụi, vệ sinh công nghiệp,...), còn lại xả ra môi trường.



Hình 12.3. Trạm xử lý nước thải Vàng Danh mỗi năm cung cấp cho Công ty cổ phần than Vàng Danh gần 600.000 m³ nước tái sử dụng

– Về vấn đề quản lý chất thải rắn: tăng cường trồng cây phủ xanh, cải tạo phục hồi môi trường bãi thải, xây dựng đập chắn và dè chân bãi thải để chống trôi lấp đất đá.



Hình 12.4. Hệ thống đập chắn đất, đá tại chân các bãi thải mỏ ngăn ngừa tình trạng sạt lở đất tại bãi thải Đông Cao Sơn

Từ năm 2008, việc vận chuyển than trên các tuyến quốc lộ đã chấm dứt. Ngành Than đã đầu tư xây dựng các tuyến đường vận chuyển chuyên dụng (tuyến đường sắt Vàng Danh – Khe Ngát, 06 tuyến băng tải thay thế ô tô vận chuyển ra cảng và đến các nhà máy nhiệt điện tại Đông Triều, Nam Mẫu, Mông Dương, nhà máy tuyển Khe Chàm; tuyến băng tải Lép Mỹ – Cảng Km6,...) và đang tiếp tục nghiên cứu, đầu tư nhiều tuyến băng tải khác.



Hình 12.5. Khu nhà chứa và tuyến băng tải vận chuyển than
Khe Ngát – cảng Điện Công

Ngoài ra, việc xây dựng tường chắn ngăn chất thải, đầu tư các trạm rửa xe ô tô, tăng cường vệ sinh, tưới nước chống bụi bằng ô tô, phun sương dập bụi trên các tuyến đường vận chuyển, kho than, cải tạo cảnh quan môi trường... đã hạn chế phát sinh bụi, tiếng ồn góp phần cải thiện môi trường, cảnh quan các khu đô thị, dân cư.

2.2. Phòng chống ô nhiễm môi trường từ hoạt động nuôi trồng thủy sản

Tỉnh Quảng Ninh là địa phương đầu tiên trên cả nước ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về vật liệu sử dụng làm phao nổi”. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022, các cơ sở nuôi trồng thủy sản đang sử dụng vật liệu làm phao nổi không phù hợp sẽ phải thực hiện chuyển đổi toàn bộ vật liệu để đáp ứng yêu cầu của quy chuẩn. Các cơ quan quản

lí có nhiệm vụ giám sát chặt chẽ để giảm thiểu rác thải từ các vật liệu không thân thiện, không bền vững trên vùng biển Quảng Ninh.

Các cơ sở nuôi trồng thủy sản đã đầu tư xây dựng hệ thống thu gom và xử lí nước thải, các chất thải rắn trong hoạt động nuôi trồng thủy sản theo đúng quy định về bảo vệ môi trường.

Ngoài ra, chính quyền tỉnh Quảng Ninh cần đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao ý thức cộng đồng về bảo vệ môi trường; xây dựng kế hoạch phối hợp với đoàn thể, các tổ chức xã hội thực hiện công tác tuyên truyền cho nhân dân ở các địa phương nhận thức và tự giác chấp hành tốt các quy định pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.



Hình 12.6. Phao nổi bằng vật liệu nhựa đạt tiêu chuẩn kĩ thuật

2.3. Phòng chống ô nhiễm môi trường từ hoạt động du lịch

Tỉnh Quảng Ninh đã triển khai nhiều biện pháp phát triển du lịch gắn với bảo vệ môi trường. Trong đó, đề cao việc tuyên truyền nâng cao nhận thức của lãnh đạo địa phương, các doanh nghiệp du lịch, người dân,... về tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường. Xã hội hoá công tác bảo vệ môi trường, ban quản lí di tích, khu du lịch, doanh nghiệp xây dựng các sản phẩm du lịch xanh. Người dân, du khách sử dụng các vật liệu

thân thiện với môi trường như hạn chế sử dụng túi ni-lon, đồ nhựa dùng một lần, phân loại rác thải, bỏ rác đúng chỗ,... Các tàu du lịch đều bắt buộc lắp đặt thiết bị phân li dầu – nước; nước thải sinh hoạt trên tàu cũng được thu gom và xử lý. Đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ nằm ngoài khu công nghiệp có quy mô xả nước thải từ 1.000m³/ngày đêm trở lên đều đã được yêu cầu lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động liên tục. Đặc biệt, tỉnh Quảng Ninh



Hình 12.7. Nhãn sinh thái Cánh buồm xanh

đã xây dựng bộ tiêu chí “Nhãn sinh thái Cánh buồm xanh” cấp cho các tàu thủy du lịch hoạt động trên vịnh Hạ Long đạt tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường. Ban Quản lý vịnh Hạ Long đã triển khai nhiều giải pháp nhằm bảo vệ cảnh quan môi trường: quan trắc hiện trạng môi trường nước vịnh Hạ Long định kỳ hàng quý để kiểm soát chất lượng nước; sẵn sàng lực lượng, trang thiết bị triển khai ứng phó khi có sự cố tràn dầu trên vịnh xảy ra;...

Bên cạnh đó, các cơ quan quản lý nhà nước tăng cường kiểm tra, giám sát, tạo sự chuyển biến về nhận thức và hành động của cộng đồng dân cư, doanh nghiệp, đối với việc bảo vệ môi trường sinh thái, đa dạng sinh học, giữ gìn các di sản,...

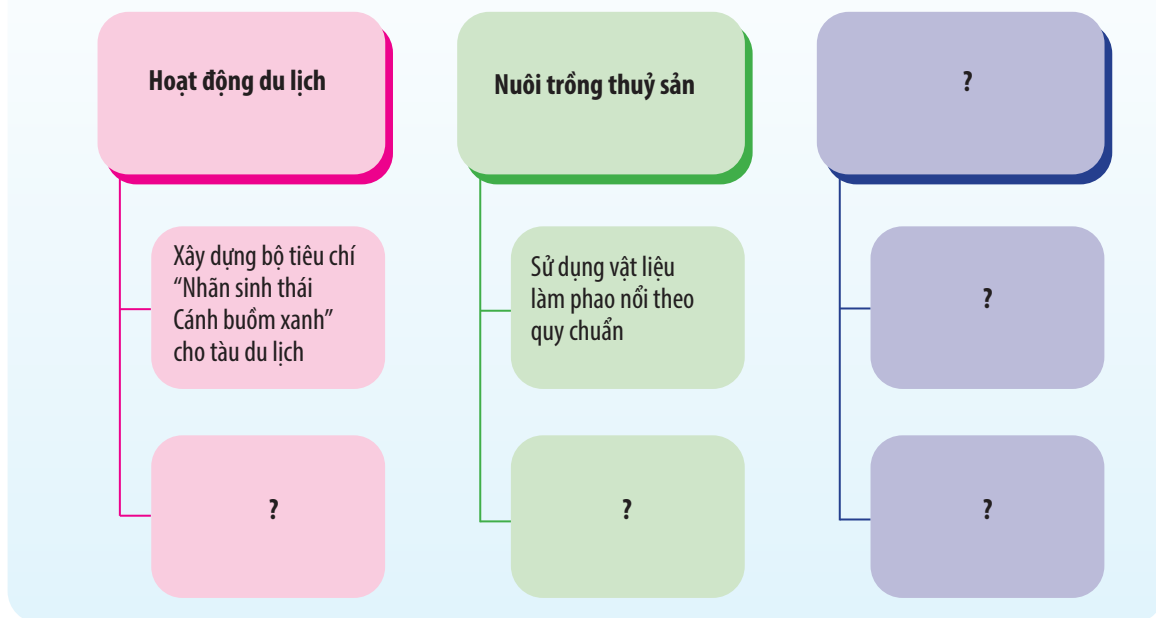
EM CÓ BIẾT

Những năm gần đây, tỉ trọng đóng góp của ngành khai khoáng trong tổng sản phẩm của tỉnh Quảng Ninh giảm dần từ 21,3% năm 2015 xuống 17,3% năm 2020. Trong khi đó, các ngành chế biến, chế tạo tăng bình quân 15%/ năm. Du lịch, dịch vụ ngày càng trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

Kinh tế Quảng Ninh hiện không còn phụ thuộc nhiều vào khai thác khoáng sản. Điều này làm giảm áp lực đối với môi trường, đồng thời cho thấy quan điểm phát triển của Quảng Ninh là phát triển kinh tế xanh, chú trọng bảo vệ môi trường.



Nêu một số biện pháp phòng chống ô nhiễm môi trường từ hoạt động sản xuất và dịch vụ ở Quảng Ninh.



3. Định hướng chính về bảo vệ môi trường của tỉnh Quảng Ninh

Quan điểm, định hướng chính về bảo vệ môi trường của tỉnh Quảng Ninh:

– Phù hợp với Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia, đưa ra các giải pháp nhằm ngăn chặn và giảm thiểu suy thoái tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm môi trường, nâng cao chất lượng môi trường, nâng cao hiệu quả khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và năng lực quản lý môi trường.

– Ứng dụng công nghệ, ưu tiên công nghệ cao, các mô hình bảo vệ môi trường, các quy chuẩn môi trường của các nước phát triển.

– Đẩy mạnh các hoạt động nâng cao nhận thức về môi trường để chuyển biến thành hành động trong bảo vệ môi trường; áp dụng các biện pháp nhằm hài hoà giữa bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế bền vững tại các khu vực công nghiệp trọng điểm.

Các định hướng bảo vệ các thành phần môi trường cụ thể như sau:

3.1. Quản lý môi trường nước

– Xây dựng các hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt và mạng lưới thoát nước.

– Xử lý nước thải từ hoạt động khai thác và chế biến than đạt quy chuẩn môi trường.

– Áp dụng công nghệ tiên tiến trong xử lý nước thải, áp dụng tiêu chuẩn của nước

tiên tiến đối với những nguồn thải thải vào nguồn nước sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, du lịch, nuôi trồng thủy sản, tưới tiêu.

Hiện nay, mạng điểm quan trắc hiện trạng môi trường của tỉnh đối với nước biển ven bờ có 99 vị trí quan trắc định kỳ chủ động và 7 trạm quan trắc tự động; đối với môi trường trầm tích có 44 vị trí quan trắc định kỳ.

3.2. Quản lý chất lượng không khí

- Nâng cao năng lực giám sát môi trường của các cơ quan quản lý.
- Tăng cường quản lý các thông số về bụi từ nguồn ô nhiễm cố định như nhà máy nhiệt điện, xi măng, khai thác than.
- Thực hiện lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải theo tiêu chuẩn của các nước tiên tiến sau năm 2020.
- Triển khai mạng lưới quan trắc môi trường tự động trên địa bàn tỉnh.

3.3. Quản lý chất thải rắn

- Quản lý chất thải rắn sinh hoạt theo vùng; xây dựng và vận hành hệ thống bãi rác hợp vệ sinh; trung tâm tái chế chất thải rắn – Nhà máy chế biến phân vi sinh; cải thiện hệ thống thu gom; trung chuyển rác và hoạt động 3R (giảm thiểu, tái sử dụng và tái chế).
- Quản lý chất thải rắn công nghiệp cho khu vực; nghiên cứu xây dựng khu liên hiệp xử lý chất thải rắn cho 3 vùng; thúc đẩy triển khai áp dụng mô hình 3R.
- Khuyến khích các nhà đầu tư địa phương tham gia vào các dự án quản lý chất thải rắn.
- Cải tạo phục hồi môi trường các bãi thải khai thác than.

3.4. Quản lý rừng

- Tăng diện tích khu bảo tồn trên địa bàn tỉnh; quản lý rừng đầu nguồn,...
- Quản lý bền vững các nguồn tài nguyên ven biển có sự tham gia của cộng đồng và xúc tiến du lịch sinh thái.
- Quản lý các khu bảo tồn thiên nhiên (nâng cấp vườn quốc gia Bái Tử Long là khu bảo tồn biển và là Công viên Di sản ASEAN; nâng cấp rừng quốc gia Yên Tử thành vườn quốc gia và mở rộng diện tích được bảo vệ; mở rộng khu bảo tồn thiên nhiên Đồng Sơn – Kỳ Thượng (Hạ Long),...).
- Bảo vệ nghiêm ngặt các lưu vực và cải thiện chất lượng các rừng đầu nguồn để bảo vệ nguồn nước các hồ Yên Lập (Hạ Long) và Cao Vân (Cẩm Phả), Tràng Vinh (Móng Cái),...

– Quy hoạch phát triển sử dụng đất nhằm mục đích tạo các vùng đệm cách li khu vực khai thác với khu vực dân cư xung quanh.

EM CÓ BIẾT

Tỉnh Quảng Ninh đã hoàn thành các chỉ tiêu môi trường đặt ra trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV (nhiệm kỳ 2015 – 2020) như: Tỷ lệ che phủ rừng đạt 53 – 54%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom trên 92%; tỷ lệ chất thải y tế được thu gom, xử lý đạt 100%.

3.5. Bảo tồn đa dạng sinh học

– Quản lý, bảo tồn, giảm áp lực trực tiếp lên đa dạng sinh học và thúc đẩy sử dụng bền vững.

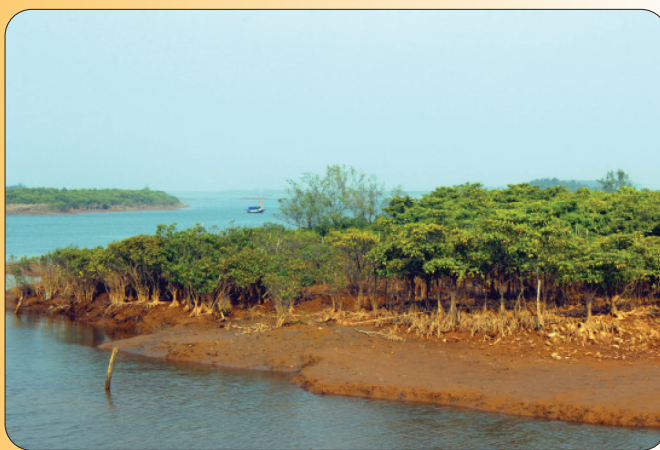
– Cải thiện tình trạng của đa dạng sinh học bằng cách bảo vệ các hệ sinh thái, các loài và đa dạng di truyền.

– Tăng cường năng lực bảo tồn đa dạng sinh học có sự tham gia, quản lý của nhà nước, doanh nghiệp và người dân.

EM CÓ BIẾT

Rừng ngập mặn xã Đồng Rui, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh có diện tích trên 1.800 ha, chiếm gần 50% diện tích tự nhiên của xã. Đây là khu rừng ngập mặn nguyên sinh cổ nhất và đẹp nhất miền Bắc, với nhiều loại cây như trang, sú, vẹt, bần...; có cây đã hàng trăm năm tuổi được bảo tồn nghiêm ngặt để duy trì

nguồn gen quý. Rừng ngập mặn Đồng Rui có vai trò bảo vệ chống lại thiên tai, giúp giảm ảnh hưởng của ngập lụt, gió mạnh, chống xói lở cho bờ biển,... đồng thời cung cấp thức ăn, nơi trú ngụ cho nhiều loài cá, tôm,... Khi rừng phát triển kéo theo nguồn lợi hải sản ngày càng đa dạng. Phần lớn, người dân nơi đây làm nghề đánh bắt và nuôi trồng thủy sản nên rừng ngập mặn có vai trò hết sức quan trọng đối với đời sống nhân dân.



3.6. Thích ứng với vấn đề biến đổi khí hậu và các biện pháp giảm nhẹ

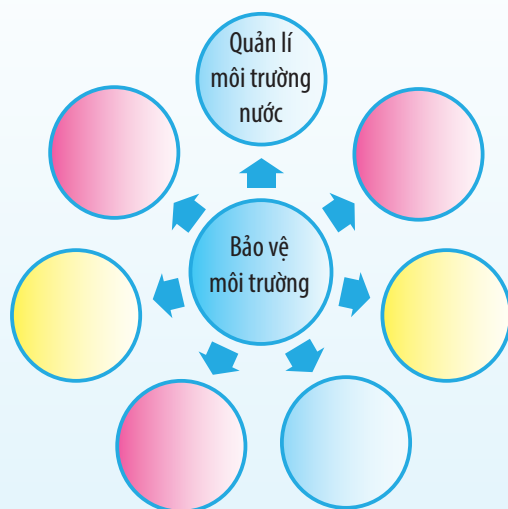
- Thực hiện kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của tỉnh Quảng Ninh.
- Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ và hỗ trợ lẫn nhau giữa cơ quan quản lý nhà nước với các doanh nghiệp, cộng đồng dân cư,...

3.7. Giám sát môi trường

- Xây dựng hệ thống quan trắc môi trường⁽⁷⁾ tự động trên địa bàn tỉnh. Giai đoạn 2020-2025 mạng điểm quan trắc sẽ nâng lên thành 382 điểm (tăng số lượng điểm quan trắc lên gấp 2,7 lần). Đồng thời, tăng cường tần suất quan trắc đối với một số môi trường thành phần.
- Thiết lập trung tâm hệ thống thông tin địa lí của tỉnh để nâng cao năng lực quản lý thông tin môi trường.
- Tăng cường hợp tác quốc tế trong giám sát ô nhiễm môi trường liên tỉnh, liên quốc gia.



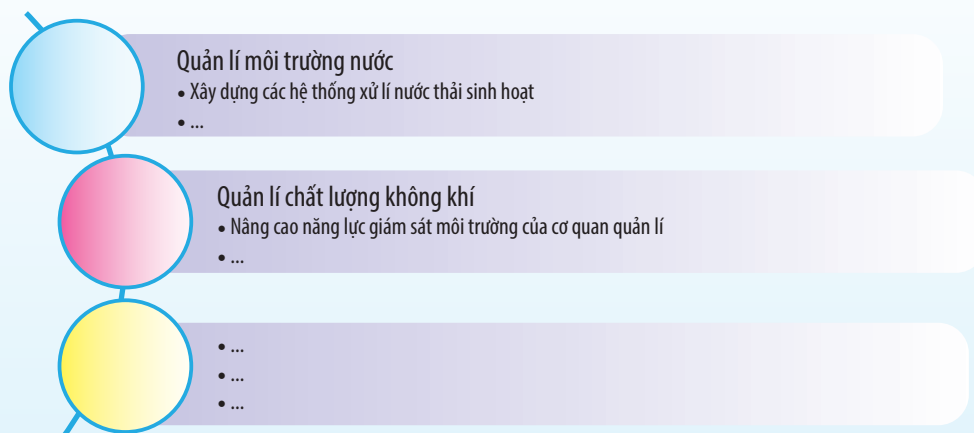
- ① Lập sơ đồ các định hướng bảo vệ môi trường của tỉnh Quảng Ninh theo gợi ý:



Định hướng bảo vệ môi trường của tỉnh Quảng Ninh

(7) Quan trắc môi trường là quá trình theo dõi, đo đạc thường xuyên các chỉ tiêu về tính chất của thành phần môi trường nhằm cung cấp thông tin đánh giá hiện trạng, chất lượng môi trường.

② Nêu biện pháp nhằm quản lí thành phần môi trường cụ thể trong định hướng trên.



4. Lựa chọn các phương án trả lời đúng

Các hoạt động sản xuất, dịch vụ ở Quảng Ninh tác động xấu đến môi trường như thế nào?

- a) Bụi than, nước thải ô nhiễm tạo ra từ hoạt động khai thác mỏ.
- b) Chất thải và thức ăn dư thừa trong nuôi trồng thủy hải sản gây ô nhiễm nước.
- c) Vứt rác bờ bãi do ý thức kém của một bộ phận khách du lịch có thể gây ô nhiễm biển.
- d) Xây dựng, vận hành các hệ thống băng tải vận chuyển than.
- e) Sử dụng phao xếp không thân thiện với môi trường trong nuôi trồng thủy sản gây ô nhiễm môi trường nước.
- f) Xây dựng hệ thống xử lí nước thải ở các khu du lịch, các khu vực khai thác than.

5. Trò chơi ghép cặp

Ghép các ô chữ ở cột **Biện pháp** chống ô nhiễm môi trường với cột **Tác dụng** của biện pháp đó sao cho phù hợp.

Biện pháp

1. Đầu tư các hệ thống băng tải than

2. Sử dụng vật liệu làm phao nổi đạt chuẩn trong nuôi trồng thủy sản

3. Đầu tư nhiều trạm xử lý nước thải mỏ

4. Cấp phát miễn phí làn nhựa và túi đựng sinh thái cho các hộ gia đình

5. Trồng cây phủ xanh các khu vực bãi thải

6. Xây dựng bộ tiêu chí "Nhân sinh thái Cánh bướm xanh"

Tác dụng

a) Chống ô nhiễm rác thải nhựa trong nước biển

b) Chống ô nhiễm bụi than trên đường quốc lộ

c) Chống ô nhiễm bụi, xói lở đất

d) Xử lý nước thải mỏ, chống ô nhiễm nguồn nước

e) Giảm rác thải ni-lon đựng một lần

f) Nâng cao nhận thức và tăng cường bảo vệ môi trường trong hoạt động tàu du lịch

6. Kể tên một số hoạt động sản xuất, dịch vụ ở nơi em sống. Các hoạt động đó có tác động gì đến môi trường, hãy đề xuất biện pháp bảo vệ môi trường cho phù hợp.

STT	Hoạt động	Tác động	Biện pháp
?	?	?	?



7. Lựa chọn một định hướng bảo vệ môi trường của tỉnh và thảo luận về biện pháp thực hiện để bảo vệ môi trường ở nơi em sống như thế nào.



8. Lựa chọn một vài biện pháp nêu trên để thực hiện tuyên truyền việc bảo vệ môi trường ở địa phương em.

THUẬT NGỮ

STT	THUẬT NGỮ	TRANG
1	Bãi cọc	11
2	Bãi thải mỏ	80
3	Bảo vật	18
4	Cơ cấu dân số trẻ	64
5	Cơ cấu dân số theo giới tính	64
6	Di chỉ	19
7	Đa dạng sinh học	86
8	Đô thị hoá	71
9	Gia tăng dân số	63
10	Hương liệu	26
11	Khảo cổ	19
12	Mật độ dân số	66
13	Nước thải mỏ	80
14	Nghệ thuật diễn xướng	6
15	Phao xốp	81
16	Quan trắc	83
17	Quần cư	66
18	Quốc thống	11
19	Sinh lực dịch	12
20	Thương cảng	6
21	Trần	5
22	Văn hoá Cái Bèo	33
23	Văn hoá Hạ Long	32
24	Văn hoá Soi Nhụ	32
25	Văn nghệ dân gian	6
26	Văn hóa ứng xử trong nhà trường	62
27	Vùng mỏ	36

NGUỒN TƯ LIỆU ẢNH, BÀI

Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu, ảnh được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

Đỗ Giang	Ảnh bìa
Đỗ Tiến (Sở VHTT Quảng Ninh)	Ảnh 5.2; 5.3 trang 33
Nguyễn Thị Hằng (Ban quản lí vịnh Hạ Long)	Ảnh 5.1 trang 32; 5.5, 5.6, 5.7 trang 35
Ban quản lí vịnh Hạ Long: halongbay.com.vn	Ảnh 5.8 trang 37
Tạ Quân (Trung tâm Truyền thông Quảng Ninh)	5.9 trang 38
Hùng Sơn (Trung tâm Truyền thông Quảng Ninh)	8.2 trang 49
Hải Hoà (nguyên cán bộ Sở VHTT Quảng Ninh)	Ảnh 8.1 trang 48; 8.3 trang 50; 8.4 trang 53
Đỗ Văn Hiệu (Sở VHTT Quảng Ninh)	Ảnh 8.5 trang 56
Nguyễn Đỗ Dũng (thành phố Hạ Long)	Tranh 11.1; 11.2 trang 72
Dương Phượng Đại	Ảnh 10.8 trang 69; 12.2 trang 81; 12.4 trang 86
Anh Thắng (Báo Nông nghiệp Việt Nam)	Ảnh 12.6 trang 85
Tập đoàn công nghiệp than, khoáng sản Việt Nam	Ảnh 12.3 trang 83
Cổng thông tin điện tử tỉnh Quảng Ninh	Ảnh 12.1 trang 80
Ban Quản lí vịnh Hạ Long	Ảnh 12.7 trang 86

Báo Quảng Ninh điện tử, trang thông tin điện tử các thành phố, các huyện của tỉnh Quảng Ninh.

